

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

**PHÙNG NGỌC THÙY LINH**

**THÀNH NGỮ CÓ THÀNH TỐ CHỈ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN  
“NẮNG, MƯA, GIÓ” TRONG TIẾNG VIỆT  
(TRÊN BA BÌNH DIỆN: NGỮ PHÁP, NGỮ NGHĨA, NGỮ DỤNG)**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam**

**Mã số: 8220102**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN**

*Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phạm Hùng Việt*

**SƠN LA, NĂM 2018**

## *Lời cam đoan*

*Tôi cam đoan rằng, luận văn thạc sĩ khoa học “Thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt (Trên ba bình diện: Ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng)” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những số liệu đã được sử dụng trong luận văn là trung thực đã được chỉ rõ nguồn trích dẫn. Kết quả nghiên cứu này chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào từ trước đến nay.*

*Sơn La, ngày 26 tháng 10 năm 2018*

*Tác giả*

*Đùng Ngọc Thùy Linh*

## *Lời cảm ơn*

*Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới PGS>TS Phạm Hùng Việt, người đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn tôi trong suốt quá trình làm luận văn.*

*Tôi cũng xin chân thành cảm ơn các thầy cô trực tiếp giảng dạy tại lớp Ngôn ngữ Việt Nam k5 và khoa Ngữ văn trường Đại học Tây Bắc đã quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành khóa học.*

*Cuối cùng, xin gửi lời tri ân đến gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và những người thân yêu đã luôn động viên, khích lệ, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu.*

*Sơn La, ngày 26 tháng 10 năm 2018*

*Tác giả*

*Phùng Ngọc Thùy Linh*

## MỤC LỤC

Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
CHÚ GIẢI KÍ HIỆU .....	v
PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề .....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Đóng góp của đề tài.....	6
7. Cấu trúc của đề tài.....	7
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN .....	8
1.1. Thành ngữ và thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt.....	8
1.1.1 Thành ngữ .....	8
1.1.2. Thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt .....	23
1.2. Lí thuyết ba bình diện .....	26
1.2.1. Bình diện ngữ pháp.....	27
1.2.2. Bình diện ngữ nghĩa.....	27
1.2.3. Bình diện ngữ dụng.....	28
1.3. Tiểu kết.....	29
Chương 2: THÀNH NGỮ CÓ THÀNH TỐ CHỈ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN “NẮNG, MƯA, GIÓ” TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ PHÁP.....	30
2.1. Cấu tạo ngữ pháp của thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng “nắng, mưa, gió”.....	31

2.1.1. Thành ngữ có kết cấu đối xứng.....	31
2.1.2. Thành ngữ có kết cấu so sánh .....	35
2.1.3. Thành ngữ có kiểu cấu tạo thường.....	38
2.2. Vị trí – khả năng kết hợp và chức năng ngữ pháp .....	40
2.2.1. Làm vị ngữ .....	41
2.2.2. Làm chủ ngữ.....	44
2.2.3. Làm định ngữ .....	46
2.2.4. Làm bổ ngữ .....	47
2.3. Tiểu kết.....	52
Chương 3: THÀNH NGỮ CÓ THÀNH TỔ CHỈ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN “NẮNG, MƯA, GIÓ” TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ NGHĨA, NGỮ DỤNG.....	54
3.1. Bình diện ngữ nghĩa của thành ngữ có thành tổ chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” .....	54
3.1.1. Nghĩa biểu trưng .....	54
3.1.2. Nghĩa tình thái.....	68
3.2. Bình diện ngữ dụng.....	69
3.2.1. Sự biến đổi cấu trúc của thành ngữ có thành tổ chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong sử dụng .....	69
3.2.2. Nét văn hóa nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi của người Việt qua thành ngữ có thành tổ chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” .....	73
3.3. Tiểu kết.....	77
KẾT LUẬN .....	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81
PHỤ LỤC .....	I

## CHÚ GIẢI KÍ HIỆU

C	:	Chủ ngữ
V	:	Vị ngữ
DT	:	Danh từ
ĐT	:	Động từ
ĐTTT	:	Động từ trung tâm
TT	:	Tính từ
ST	:	Số từ
PT	:	Phụ từ
BN	:	Bổ ngữ
ĐN	:	Định ngữ
TN	:	Trạng ngữ
PTT	:	Phần trung tâm
PPT	:	Phần phụ trước
PPS	:	Phần phụ sau

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

1.1. Thành ngữ là một bộ phận quan trọng trong vốn từ của một ngôn ngữ. Trong tiếng Việt, thành ngữ có một khối lượng rất lớn, phong phú và đa dạng. Trong cuộc sống hàng ngày của nhân dân ta, quan điểm thẩm mỹ, kinh nghiệm quý báu, cách suy nghĩ về các hiện tượng tự nhiên ... đều được lưu lại trong thành ngữ và được các thế hệ giữ gìn, trau dồi, vận dụng.

Nếu ta có thể tìm thấy trong mỗi câu tục ngữ những đúc kết về kinh nghiệm quý báu về các hiện tượng tự nhiên, kiểu như:

- *Chuồn chuồn bay thấp thì mưa*

*Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm*

- *Cơn đặng Đông vừa trông vừa chạy*

*Cơn đặng Nam vừa làm vừa chơi*

thì ta lại tìm được trong thành ngữ - những cụm từ cố định sự phản ánh một cách nguyên sơ, trung thực về các hiện tượng tự nhiên: *Gió bắc mưa phùn, gió kếp mưa đơn, mưa dầu nắng lửa, mưa thuận gió hòa, mưa to gió lớn, nắng như đổ lửa, nắng như thiêu như đốt, ...* mà trong cuộc sống hàng ngày, người Việt đã định danh và sử dụng một cách tự nhiên.

Thành ngữ không chỉ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên mà còn là nơi “cất giữ” những đặc điểm độc đáo của một nền văn hóa, văn minh của dân tộc.

1.2. Thành ngữ là đối tượng đã được nhiều tác giả khám phá ở các phương diện khác nhau như: cấu trúc hình thức, ngữ nghĩa, quan hệ ứng xử nói năng... Thành ngữ đã trở thành mảng đề tài lớn cho các công trình nghiên cứu các luận văn thạc sĩ, luận án... Tuy nhiên, còn rất nhiều những chủ đề, chi tiết, những phạm vi cụ thể của thành ngữ còn chưa được đi sâu

nghiên cứu. Vì vậy, chúng tôi chọn đề tài: *Thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt* làm đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình.

1.3. Về thực tế, đứng từ góc độ một giáo viên giảng dạy ở trường trung học phổ thông, chúng tôi thấy: thành ngữ là một đơn vị từ vựng được quan tâm và đưa vào giảng dạy. Điều này rất hữu ích với các em học sinh trong việc trau dồi thêm vốn từ vựng, rèn luyện tư duy, nắm bắt các kinh nghiệm quý báu.

Hơn nữa, thành ngữ cũng được các nhà văn, nhà thơ sử dụng trong sáng tác của mình như một tín hiệu quý báu. Việc nắm bắt được nghệ thuật sử dụng thành ngữ sẽ giúp ích rất nhiều cho việc khai thác giá trị của tác phẩm văn chương.

Cuối cùng, chúng tôi mong muốn đề tài nghiên cứu này được đóng góp phần nhỏ bé vào việc tìm hiểu một mảng nhỏ của kho tàng thành ngữ tiếng Việt.

## **2. Lịch sử vấn đề**

Thành ngữ đã tồn tại trong ngôn ngữ hàng nghìn thế kỉ (xuất hiện trong văn học dân gian, văn học trung đại), nhưng đến nửa sau thế kỉ XX nó mới thực sự trở thành đối tượng của các nghiên cứu văn học và ngôn ngữ.

Nhà ngôn ngữ học Pháp V.Barbier là tác giả của công trình “*Những ngữ so sánh trong tiếng An Nam*” công bố năm 1925. Công trình của ông chỉ miêu tả một số ngữ so sánh của tiếng Việt và không đề cập gì đến những vấn đề liên quan đến thành ngữ học. Ông là người đi đầu trong số các nhà ngôn ngữ học nước ngoài nghiên cứu thành ngữ tiếng Việt.

Năm 1928, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Ngọc công bố công trình “*Tục ngữ và ca dao*”. Đây được coi là một hợp tuyển thành ngữ tiếng Việt



đầu tiên có chứa một số lượng lớn thành ngữ. Trong công trình này, thành ngữ được xem xét không phải với tư cách là đối tượng phân tích Ngôn ngữ học, mà là đối tượng phân tích văn học. Đến năm 1943, tác giả Dương Quảng Hàm mới bắt đầu tiến hành phân biệt thành ngữ với tục ngữ qua cuốn “*Việt Nam học sử yếu*”.

Theo truyền thống ngôn ngữ học Việt Nam, tất cả những vấn đề liên quan đến thành ngữ đều được xem xét trong giáo trình từ vựng học hoặc trong các chương dành cho tục ngữ, ngôn ngữ và ca dao...

Chỉ từ những năm 60 của thế kỉ XX, dưới ảnh hưởng trực tiếp của các nhà ngôn ngữ học Nga, việc nghiên cứu ngôn ngữ học nói chung và Việt ngữ học nói riêng đã tiếp cận thành ngữ ở nhiều hướng khác nhau. Có thể nghiên cứu theo hướng chuyên đề như: từ vựng học, ngữ pháp học ... hoặc có thể tách ra thành các đề tài nghiên cứu như các công trình của các tác giả: Nguyễn Văn Tu (1926, 1982, 1986), Nguyễn Kim Thản (1963), Nguyễn Văn Mệnh (1972, 1986), Cù Đình Tú (1973, 1982), Nguyễn Thiện Giáp (1975, 1985 1996), Hồ Lê (1976), Trương Đông San (1976)... Vấn đề trung tâm được bàn đến trong các công trình liên quan đến thành ngữ thời kì này chủ yếu là xác định đối tượng của thành ngữ, phân xuất các đơn vị thành ngữ, nghiên cứu các thuộc tính của thành ngữ và những phương thức để khu biệt chúng với các đơn vị khác.

Mốc quan trọng trong việc nghiên cứu thành ngữ tiếng Việt là sự ra đời của cuốn “*Thành ngữ tiếng Việt*” do Nguyễn Lược – Lương Văn Đang sưu tầm và biên soạn vào năm 1978. Hai tác giả đã chỉ ra ba đặc tính của thành ngữ tiếng Việt, phân biệt thành ngữ với tục ngữ và giải thích các thành ngữ. Cuốn sách mặc dù mới thống kê, giải nghĩa và tìm ví dụ trong văn chương của hơn 500 thành ngữ, nhưng nó đã cung cấp cho các nhà

ngôn ngữ và những người quan tâm đến vấn đề này một nguồn tư liệu phong phú và bổ ích.

Khoảng 20 năm trở lại đây, nguồn gốc hình thành và phát triển, các vấn đề ngữ nghĩa, cấu trúc hoặc các bình diện văn hóa của thành ngữ rất được quan tâm nghiên cứu. Có thể kể đến các tác giả tiêu biểu như: Hoàng Văn Hành (1980), Đỗ Hữu Châu (1981), Nguyễn Thái Hòa (1982), Phạm Xuân Thành (1980, 1983), Nguyễn Đức Dân (1986), Bùi Khắc Việt (1988), Nguyễn Như Ý (1992), Nguyễn Văn Khang (1994), Chu Bích Thu (1994)... Tất cả các nhà nghiên cứu này đều có điểm thống nhất khi xác định được đặc điểm của thành ngữ tiếng Việt là đều xuất phát từ hai bình diện: bình diện cấu trúc (cho rằng thành ngữ là đơn vị của ngôn ngữ, bản thân nó là cụm từ cố định) và bình diện ngữ nghĩa (cho rằng thành ngữ là đơn vị có ý nghĩa tái tạo mang tính hình ảnh cao).

Có thể kể đến một số tác giả với những công trình tiêu biểu nghiên cứu về thành ngữ như: Trịnh Cẩm Lan (1995), lấy *các đặc điểm của cấu trúc ngữ nghĩa và giá trị biểu trưng* của thành ngữ để nghiên cứu trên nền cứ liệu thành ngữ có thành tố là tên gọi động vật.

Chu Thị Hào (1998) nghiên cứu *thành ngữ có chứa thành tố là vật thể - hiện tượng tự nhiên trong tiếng Việt*.

Nguyễn Thị Hiền (2004) đã bước đầu tìm hiểu *thành ngữ về giao tiếp ngôn ngữ trong tiếng Việt*.

Một số tác giả gần đây như Nguyễn Diệu Hiền nghiên cứu thành ngữ (và tục ngữ) ở phương diện *trường từ vựng núi rừng và ý nghĩa biểu trưng* của nó, Quế Thị Mai Hương và Nguyễn Thị Hiền thì dừng lại ở phạm vi tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của *hình ảnh con vật, của các con số*. Trần Thị Hạnh với bài viết trên tạp chí *Ngôn ngữ số 11 năm 2008, bước đầu khảo sát mối*

quan hệ giữa ẩn dụ và cấu trúc hình thức của thành ngữ. Từ góc độ tri nhận, Nguyễn Đức Tồn (2008) nghiên cứu về đặc trưng tư duy của người Việt qua ẩn dụ tri nhận trong thành ngữ. Ca Thị Quỳnh Doan (2011) đã tìm hiểu thành ngữ chỉ quan hệ ứng xử nói năng trong tiếng Việt.

Tóm lại, đây là vấn đề đã được nhiều người quan tâm và đã có những kết quả nghiên cứu nhất định. Rõ ràng, thành ngữ tiếng Việt đến nay không còn là vấn đề mới mẻ. Song, chúng tôi vẫn mạnh dạn chọn nội dung nhỏ để làm đề tài cho luận văn của mình. Chúng tôi mong muốn tìm hiểu, khai thác sâu hơn, kỹ lưỡng hơn, soi chiếu toàn diện trên ba bình diện để thấy hết thêm ý nghĩa, giá trị của thành ngữ trong kho tàng thành ngữ tiếng Việt.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

- *Mục đích nghiên cứu:* Làm rõ các đặc điểm của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt trên ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng.

- *Nhiệm vụ cơ bản:* Để thực hiện mục đích trên, luận văn cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Xác định cơ sở lí thuyết cần thiết cho đề tài.

+ Xác định những đặc trưng cơ bản của thành ngữ chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trên bình diện ngữ pháp.

+ Xác định các đặc điểm của thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trên bình diện ngữ nghĩa, ngữ dụng.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.**

- *Đối tượng nghiên cứu:* Là những thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Đặc điểm, hoạt động của các thành ngữ đó trên ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng.

- *Ngữ liệu nghiên cứu*: Được khảo sát từ hai tài liệu chính là “*Từ điển thành ngữ Việt Nam*” của các tác giả Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành. (Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1992) và “*Thành ngữ tiếng Việt*” của Nguyễn Lực, Lương Văn Đương (Nxb Khoa học xã hội, 2009).

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Thực hiện đề tài này, chúng tôi vận dụng một số phương pháp và thủ pháp sau:

- *Phương pháp phân tích, miêu tả*: Chúng tôi sử dụng phương pháp này để phân tích, miêu tả các kiểu cấu tạo thành ngữ, các đặc điểm của chức năng ngữ pháp, vị trí - khả năng kết hợp của thành ngữ trong câu, các đặc điểm về ngữ nghĩa, ngữ dụng của thành ngữ.

- *Thủ pháp thống kê, phân loại*: thủ pháp này được vận dụng để thống kê, phân loại các thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt chủ yếu trong hai cuốn “*Từ điển thành ngữ Việt Nam*” của các tác giả Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành. (Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1992) và “*Thành ngữ tiếng Việt*” của Nguyễn Lực, Lương Văn Đương (Nxb Khoa học xã hội, 2009).

## **6. Đóng góp của đề tài**

### **\* Về lí luận**

- Kết quả nghiên cứu của luận văn là minh chứng cho thành công việc vận dụng lí thuyết ba bình diện vào nghiên cứu một vấn đề ngôn ngữ.

- Việc nghiên cứu thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt góp phần chứng minh cho giá trị của thành ngữ trong văn chương nghệ thuật cũng như trong sử dụng, thành ngữ góp phần làm giàu đẹp vốn ngôn ngữ của dân tộc.

***\* Về thực tiễn***

- Giúp cho việc sử dụng thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” phù hợp trong giao tiếp, làm tăng hiệu quả giao tiếp.

- Kết quả của luận văn có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy phần thành ngữ tiếng Việt trong nhà trường.

**7. Cấu trúc của đề tài**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn được triển khai trong ba chương:

***Chương 1:*** Cơ sở lí luận

***Chương 2:*** Thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trên bình diện ngữ pháp.

***Chương 3:*** Thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trên bình diện ngữ nghĩa, ngữ dụng.

## Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

Trong chương này chúng tôi sẽ trình bày hai vấn đề lý thuyết cơ bản liên quan đến đối tượng nghiên cứu của luận văn làm cơ sở cho việc giải quyết các nội dung ở những chương sau. Đó là: Lý thuyết về thành ngữ tiếng Việt nói chung, thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” nói riêng và lý thuyết ba bình diện.

### **1.1. Thành ngữ và thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt**

#### ***1.1.1 Thành ngữ***

##### **1.1.1.1. Quan niệm về thành ngữ**

Thành ngữ phát triển cùng với tiếng nói chung của dân tộc được hình thành và trải qua các thời kì khác nhau và được nhân dân sử dụng rộng rãi như một công cụ giao tiếp chung. Tuy nhiên xung quanh vấn đề về khái niệm thành ngữ, đặc điểm của thành ngữ cũng như cách phân loại thành ngữ còn nhiều ý kiến và quan niệm khác nhau.

Trước năm 1945, các nhà Việt ngữ học có đưa ra một số cách hiểu về thành ngữ. tuy nhiên hầu hết các tác giả này chưa có một cái nhìn chính xác, rõ ràng và đầy đủ.

Quan điểm của Phạm Quang Sáu (1918), Nguyễn Văn Ngọc (1928), Nguyễn Văn Tố (1944) coi thành ngữ là những sáng tác Folklore. Thậm chí có một số tác giả còn cho rằng tục ngữ và thành ngữ là một. Tiêu biểu là ý kiến của Nguyễn Văn Tố trong bài *Tục ngữ ta đối với Tàu và tục ngữ Tây* đã viết: *Tục ngữ là câu thành ngữ nói đã quen trong thế tục, nhiều câu nghĩa lí thâm thúy, ý tứ cao xa, câu nào từ đời xưa truyền lại gọi là ngôn ngữ, tục ngữ hay tục ngôn. Nhưng dù là ngôn ngữ, tục ngữ hay tục ngôn thì nghĩa cũng gần giống nhau...* [dẫn theo 5;105]

Sau 1945, thành ngữ được nghiên cứu, tìm hiểu một cách toàn diện, tổng quát và cụ thể hơn. Quan niệm về thành ngữ trở nên rõ ràng và đầy đủ hơn. Nguyễn Văn Mệnh trong bài *Ranh giới giữa thành ngữ và tục ngữ* đã chỉ ra những nét tiêu biểu để nhận biết thành ngữ như ***Về nội dung*** ...*thành ngữ giới thiệu một hình ảnh, một thái độ, hiện tượng, một trạng thái, một tính cách, một thái độ... về hình thức ngữ pháp* nói chung thành ngữ là một cụm từ, chưa phải là một câu hoàn chỉnh. [24;72 – xem thành ngữ trong *Truyện Kiều*] Sau đó tác giả đã bổ sung cho quan niệm của mình về thành ngữ và đưa ra một khái niệm rõ ràng hơn: *Thành ngữ là một loại đơn vị có sẵn, chúng là đơn vị có kết cấu chặt chẽ và ổn định, mang một ý nghĩa nhất định, có chức năng định danh và tái hiện trong giao tế.* [24;12]

Trương Đông San thì quan niệm: *Thành ngữ là những cụm từ cố định, có ý nghĩa hình tượng tổng quát, không suy ra trực tiếp từ ý nghĩa của các đơn vị từ tạo ra nó. Thành ngữ gồm những đơn vị mang ý nghĩa hình tượng chung trong đó tất cả các vị từ đều mang nghĩa đen.* [28;12]

Nguyễn Văn Tu lại đưa ra quan niệm của mình về thành ngữ cụ thể và chi tiết hơn: *Thành ngữ là những cụm từ cố định mà các từ trong đó đã mất tính độc lập cao về ý nghĩa kết hợp thành một khối vững chắc hoàn chỉnh. Nghĩa của chúng không do nghĩa của từng thành tố (từ) tạo ra. Những thành ngữ này có tính hình tượng cũng có thể không có. Nghĩa của chúng có thể khác nghĩa của các từ nhưng cũng có thể cắt nghĩa bằng từ nguyên học.* [35;14]

Nguyễn Thiện Giáp chú ý đến thành ngữ từ góc độ tính gợi hình ảnh và nhấn mạnh đặc điểm này. Tác giả cho rằng: *Thành ngữ là một cụm từ cố định, vừa có tính hoàn chỉnh về nghĩa vừa có giá trị gợi cảm. Tính hình tượng là đặc trưng cơ bản của thành ngữ. Thành ngữ biểu thị khái niệm nào*

*đó dựa trên hình ảnh những hình tượng cụ thể. Tính hình tượng của thành ngữ được xây dựng trên cơ sở của hiện tượng ẩn dụ và so sánh. [8;8]*

Nguyễn Đức Dân đặc biệt chú ý tính dân tộc của thành ngữ. Ông quan niệm: *Thành ngữ là đơn vị ngôn ngữ ổn định về hình thức, phản ánh lối nói, lối suy nghĩ đặc thù từng dân tộc. Thành ngữ phản ánh các khái niệm và hiện tượng. [4;51]*

Đỗ Hữu Châu khi nghiên cứu thành ngữ lại nhấn mạnh đến tính chất thành ngữ tương đương với từ. Tác giả Đỗ Hữu Châu nhận xét: *Các thành ngữ (có tính thành ngữ cao hay thấp) có thể được phân thành những thành ngữ tương đương với từ sẵn có (hiển nhiên hay không hiển nhiên) và những thành ngữ không tương đương với từ. Các thành ngữ tương đương với từ chủ yếu là các thành ngữ đồng nghĩa sắc thái hóa có tính chất miêu tả. [2;71]*

Nguyễn Thiện Giáp trong cuốn “777 khái niệm ngôn ngữ học” có đưa ra khái niệm thành ngữ (idiom) như sau: *Những cụm từ trong cơ cấu cú pháp và ngữ nghĩa của chúng có những thuộc tính đặc biệt, chỉ có ở cụm từ đó. Nói cách khác, thành ngữ là một cụm từ mà ý nghĩa của nó không được tạo thành từ các ý nghĩa của các từ cấu tạo nên nó. Ngay cả khi biết nghĩa của tất cả các từ trong đó vẫn chưa thể đoán chắc nghĩa của cả cụm từ đó (...). Thành ngữ có tính chất hoàn chỉnh về nghĩa nhưng lại có tính chất tách biệt của các thành tố trong kết cấu, do đó nói hoạt động trong câu với tư cách tương đương với một từ cá biệt. [10;391]*

Hoàng Văn Hành, người cả đời tâm huyết và dày công nghiên cứu về thành ngữ đưa ra một quan niệm khá bao quát, rõ ràng và thống nhất với quan điểm của nhiều nhà Việt ngữ học *thành ngữ là một loại tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái - cấu trúc, hoàn chỉnh, bóng bẩy về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày. [14;31]*



Trên đây chỉ là sự điếm lại một vài quan niệm về thành ngữ của các nhà nghiên cứu. Trên thực tế, còn rất nhiều cách hiểu, cách kiến giải của các nhà nghiên cứu khác nhau như: Nguyễn Công Đức, Bùi Khắc Việt, ...

Có thể nói, mỗi nhà nghiên cứu đều có một cách nhìn nhận riêng về thành ngữ tiếng Việt. Những khái niệm được họ đưa ra cũng có những điểm tương đồng và cũng có những nét khác biệt. Những kiến giải phong phú và đa dạng đó cũng chính là một khó khăn để đi đến một khái niệm thống nhất về thành ngữ tiếng Việt. Tuy nhiên, có thể thấy rằng các tác giả đều gặp nhau ở một điểm là: *coi thành ngữ là một đơn vị có sẵn, có cấu tạo là một cụm từ, tổ hợp từ cố định.*

Đứng từ góc độ nghiên cứu, chúng tôi tiếp thu các quan điểm của các nhà nghiên cứu đi trước và mạnh dạn đưa ra một cách hiểu về thành ngữ: *đó là những ngữ cố định, sẵn có, ổn định, bền vững về cấu trúc và có giá trị biểu trưng về mặt nghĩa.*

#### *1.1.1.2. Đặc trưng của thành ngữ*

##### *a. Về cấu tạo*

Thành ngữ là loại cụm từ cố định, có kết cấu ổn định và bền vững. tính cố định này được thể hiện ở *cấu tạo từ vựng và trật tự các thành tố* trong thành ngữ. Có thể nói, *các yếu tố tạo nên thành ngữ hầu như giữ nguyên trong sử dụng, mà trong nhiều trường hợp không thể thay thế bằng các yếu tố khác.* Chẳng hạn, phải nói “chân đấm đá chân chiêu” chứ không được nói “chân phải đá chân trái”, mặc dù, *đấm* thời cổ có nghĩa là *phải*, *chiêu* có nghĩa là *trái*. [13;32] . Về trật tự của thành ngữ, hầu hết các thành ngữ đều không thể tùy tiện thay đổi trật tự khi sử dụng. Ví dụ: thành ngữ *rán sành ra mỡ* không thể đổi thành *rán mỡ ra sành* hay *được voi đòi tiên* không thể đổi thành *được tiên đòi voi*...

Như vậy, đặc trưng cơ bản nhất của thành ngữ trước hết là ngữ cố định, bền vững về cấu tạo. Theo Hoàng Văn Hành, tính bền vững về hình thái cấu trúc của thành ngữ có được do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong đó, nguyên nhân cơ bản nhất chính là thói quen sử dụng của người bản ngữ. Ông cho rằng những thành ngữ mà ngày nay chúng ta sử dụng vốn chỉ là những tổ hợp từ tự do. Do quá trình sử dụng lặp đi lặp lại nhiều lần với những sự chuyển di ngữ nghĩa nhất định, nó đã được cộng đồng người bản ngữ ghi nhận và ưa dùng. Chính vì vậy, *dạng ổn định của thành ngữ là dạng chuẩn, mang tính xã hội cao.* [13;33]

Mặc dù vậy, trong thực tế sử dụng, đặc biệt là trong sáng tạo nghệ thuật, vẫn có thể chấp nhận việc sử dụng sáng tạo thành ngữ nhằm thực hiện những ý đồ nghệ thuật nhất định. Điều đó có nghĩa là tính cố định của thành ngữ vừa là nguyên tắc vừa có tính mềm dẻo.

### ***b. Về ngữ nghĩa***

Theo nghiên cứu của các nhà Việt ngữ học, thành ngữ tiếng Việt có một số đặc trưng cơ bản về ngữ nghĩa sau:

#### ***\* Tính thành ngữ***

Nói đến nghĩa của thành ngữ trước hết phải đề cập đến tính thành ngữ bởi đây chính là đặc trưng ngữ nghĩa quan trọng nhất, chi phối các đặc điểm còn lại của loại đơn vị ngôn ngữ này. Tính thành ngữ thể hiện ở chỗ ngữ nghĩa của thành ngữ không phải là phép cộng đơn thuần ngữ nghĩa của các từ tạo nên nó. *Việc tìm hiểu ý nghĩa của thành ngữ trong nhiều trường hợp giống như tìm hiểu nghĩa của từ, tức tìm hiểu nghĩa của thành ngữ trong tổng thể mà không suy ra một cách máy móc từ ý nghĩa của các từ tạo nên.* [3,190] Đây chính là một tiêu chí quan trọng để khu biệt thành ngữ với cụm từ tự do.

### *\* Tính biểu trưng*

Tính biểu trưng được coi là một trong những đặc tính có ý nghĩa quan trọng của thành ngữ. Tính biểu trưng của thành ngữ có được là do tính thành ngữ đem lại: *Hầu hết các thành ngữ cố định dù có tính thành ngữ cao hay thấp đều là những bức tranh nhỏ về những vật thực, việc thực, cụ thể và riêng lẻ được nâng lên để nói cái phổ biến, khái quát, trừu tượng, để biểu trưng cho những đặc điểm, tính chất, hoạt động, tình thế... Biểu trưng được coi là một cơ chế tất yếu mà ngữ cố định và từ vựng phải sử dụng để ghi nhận nhằm diễn đạt những nội dung phức tạp hơn một khái niệm đơn [2;82].* Ví dụ: thành ngữ “chuột sa chĩnh gạo” được khái quát từ hiện tượng thực tế (là nghĩa trên bề mặt câu chữ của thành ngữ) để chỉ những kẻ gặp may.

Theo Hoàng Văn Hành, *nghĩa của thành ngữ tiếng Việt thường là kết quả của hai hình thái biểu trưng hóa: hình thái tỉ dụ (so sánh) và hình thái ẩn dụ (so sánh ngầm) [14;35].* Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng cũng tồn tại một số trường hợp, thành ngữ được sử dụng với nghĩa đen. Do vậy, tính biểu trưng là đặc điểm cơ bản song không phải là tuyệt đối trong mọi trường hợp.

### *\* Tính dân tộc*

Có thể nói ẩn chứa trong ngôn ngữ nói chung và thành ngữ nói riêng là cách cảm, nếp nghĩ, lối tư duy riêng của từng dân tộc, Đỗ Hữu Châu có nhận xét cho rằng: *Con mèo, con chuột, con chó, con ong, con kiến, con người,... ngôi chùa, pho tượng, ông Bụt,... con voi, con ngựa, con rồng,... cái khó, tấm áo, manh quần... cảnh hai gái lấy một chồng, cảnh ông từ vào đền, sự bám dai của con đĩa,... tình trạng con rắn mất đầu, con đĩa phải vôi... tất cả là những tài liệu mang đậm màu sắc quê hương, xứ sở Việt Nam trong xã hội nông nghiệp xưa được quan sát một cách tài tình, liên hệ một cách độc đáo mà đúng đắn, tinh tế... Những tài liệu này của ngữ cố định*

*Việt nam khiến cho chúng không thể lẫn với bất cứ ngữ cố định nào của các dân tộc khác [2;83].*

Ví dụ: người Việt có thể so sánh “đất như tằm tươi”, nhưng người Anh lại so sánh “đất như bánh nóng”, hoặc người Kinh so sánh “rẻ như bèo” nhưng người Thái lại so sánh “rẻ như cát”.

*\* Tính biểu cảm*

Thành ngữ tiếng Việt có sắc thái biểu cảm rõ rệt. *Sử dụng thành ngữ, người giao tiếp thể hiện rõ thái độ, tình cảm của mình [3;191].* Hay “*Bên cạnh nội dung trí tuệ, các thành ngữ bao giờ cũng kèm theo các sắc thái bình giá, cảm xúc nhất định, hoặc là kính trọng, tán thành; hoặc là chê bai, khinh rẻ; hoặc là ái ngại, xót thương... [9;77]*

Ví dụ: thành ngữ biểu hiện thái độ ca ngợi, kính trọng, khâm phục: *Con Rồng cháu Tiên*; thành ngữ biểu thị thái độ chê bai, khinh bỉ: *ăn hàng con gái, đái hàng bà lão, buôn thịt bán người,...*

Có thể nói, tất cả những đặc điểm trên đã tạo nên một “diện mạo”, “hình hài” đặc trưng của thành ngữ kết tinh những giá trị văn hóa tinh túy của dân tộc, mang điệu hồn dân tộc.

*1.1.1.3. Phân biệt thành ngữ với các đơn vị khác*

***a. Phân biệt thành ngữ với từ ghép***

Mối quan hệ giữa thành ngữ và từ ghép, về mặt lí thuyết, được coi là một mối quan hệ khá rõ ràng. Dù xếp từ ghép trong nội bộ cụm từ cố định (như Nguyễn Thiện Giáp, 1978) hay thuộc cấp độ từ (như Đỗ Hữu Châu, 1981; Nguyễn Văn Tu, 1976 và các tác giả khác) thì giữa thành ngữ và từ ghép vẫn có một đường ranh giới khá rõ. Đường ranh giới ấy tách thành ngữ ra một bên và từ ghép ra một bên nhờ sự khác nhau về cấu trúc, thành tố cấu tạo và nội dung ngữ nghĩa. Tuy nhiên ở một số trường hợp giữa hai đơn vị

này cũng có những tranh chấp nhất định.

Trước hết, về *chức năng ngữ nghĩa*: cả thành ngữ và từ ghép đều là đơn vị có sẵn, có chức năng định danh. Chính vì vậy, thành ngữ mới được xem là đơn vị tương đương với từ, có khả năng thay thế cho từ. Trên thực tế, có những đơn vị như *dẻo kẹo, đen thui, ...* giới Việt ngữ học chưa thống nhất đó là thành ngữ hay từ ghép. Mặc dù vậy, dựa vào đặc điểm nội dung ngữ nghĩa, các nhà Việt ngữ học đã phân biệt rạch ròi ranh giới giữa thành ngữ và từ ghép.

Về *mặt nội dung*, thành ngữ phân biệt với từ ghép ở phạm vi rộng hẹp và ở mức độ nông sâu trong nội dung ý nghĩa của chúng. Từ ghép thường chỉ nêu khái niệm chung để chỉ sự vật, hoạt động, tính chất hoặc trạng thái, còn thành ngữ thì hàm chứa một nội dung rộng lớn hơn và sâu sắc hơn. Thành ngữ không chỉ nêu lên khái niệm về sự vật, về hoạt động, về tính chất, trạng thái mà còn nói rõ thêm những sự vật và những hoạt động đó như thế nào, những tính chất hoặc trạng thái ấy đến mức độ nào.

Về nội dung và chức năng ngữ nghĩa của thành ngữ và từ ghép cũng có thể khái quát như sau: *từ ghép là tên gọi thuần túy, còn thành ngữ là tên gọi gợi cảm của hiện tượng nào đó* [9]. Như vậy, thực chất nội dung định danh của thành ngữ có phần phức tạp và sâu sắc hơn từ ghép. Do đó, rất dễ hiểu trong sử dụng, từ ghép vẫn có thể dùng các từ chỉ tính chất, mức độ kèm theo, trong khi thành ngữ không cần đến sự hợp tác đó.

Ngoài ra, về *mặt hình thức*, người ta cũng thấy được sự khác biệt một cách rạch ròi về ranh giới giữa thành ngữ và từ ghép. Chẳng hạn, theo Nguyễn Văn Mệnh [24], mỗi quan hệ ngữ pháp trong thành ngữ phức tạp hơn, có nhiều tầng bậc hơn, trong khi ở từ ghép, mỗi quan hệ ngữ pháp đơn giản hơn, ít bậc hơn.

Thực chất, xét cho cùng, mối quan hệ đơn giản hay phức tạp trong thành ngữ và từ ghép là kết quả của sự định lượng số âm tiết. Tất nhiên, số lượng âm tiết trong mỗi đơn vị đang xét không phải là cái quyết định, xong trên thực tế lại thể hiện cho xu hướng cấu tạo thành ngữ. Trong tri nhận của người Việt, lệ thường đã là thành ngữ là phải được tạo lập bằng một cụm từ với số lượng ba âm tiết trở lên.

Như vậy, dù phức tạp đến đâu thì bằng sự tổng gộp các tiêu chí nội dung, ngữ nghĩa và tính phức tạp hay đơn giản trong quan hệ ngữ pháp của các thành tố cấu tạo (thường biểu hiện bằng số lượng âm tiết) người ta có thể nhận ra khá rõ ràng ranh giới giữa thành ngữ và cụm từ ghép.

#### ***b. Phân biệt thành ngữ với cụm từ tự do***

Khi nghiên cứu thành ngữ, các nhà Việt ngữ học ít nhiều cũng đã chú ý phân biệt giữa thành ngữ và cụm từ tự do. Thoạt nhìn thì tưởng đây là mối quan hệ khá rạch ròi, nên có ý kiến cho rằng việc phân biệt hai đối tượng này không thật thiết yếu, không *thành vấn đề*. Quả thực, về mặt lí thuyết, đường ranh giới giữa thành ngữ và cụm từ tự do khá rõ ràng, chính vì chúng thuộc hai bình diện khác nhau. Cụm từ tự do thuộc bình diện lời nói, thành ngữ thuộc bình diện ngôn ngữ. Nhưng nếu đi sâu vào phân tích sự khác nhau giữa thành ngữ và cụm từ tự do, theo tác giả Nguyễn Công Đức, cần phải sử dụng cả hai tiêu chí ***hình thức (cấu tạo)*** và ***nội dung (ngữ nghĩa)*** để phân biệt [7].

*Về nghĩa*, là một từ cố định, thành ngữ khác với cụm từ tự do ở tính hoàn chỉnh về nghĩa. *Nghĩa của cụm từ tự do* là sự kết hợp lâm thời nghĩa của các từ trong lời nói theo một mục đích phát ngôn nhất định, nó có thể mất đi khi phát ngôn không tồn tại. Còn *nghĩa của thành ngữ* ổn định, nếu có sự thay đổi hay phát triển thì là sự thay đổi, phát triển theo quy luật phát triển

nghĩa của từ.

*Về hình thức*, thành ngữ phân biệt với cụm từ tự do ở tính phi cú pháp trong quan hệ. *Tính phi cú pháp được bộc lộ rõ nhất ở tính đối xứng của các thành tố* [9]. Tuy nhiên, ở tiêu chí hình thức, đặc tính phi cú pháp trong quan hệ chưa thực sự bao trùm lên mọi thành ngữ, nhưng điều đó cũng không phương hại tới việc xác lập ranh giới giữa thành ngữ và cụm từ tự do. Như vậy, khi phân biệt thành ngữ với cụm từ tự do, cần sử dụng cả hai tiêu chí trên và theo tác giả Nguyễn Công Đức thì tính hoàn chỉnh về nghĩa là điều kiện tiên quyết để phân biệt giữa hai đối tượng đang xét. Bên cạnh đó, tiêu chí hình thức như một đặc điểm có thể vận dụng ở những mức độ cần thiết.

### ***c. Phân biệt thành ngữ và quán ngữ***

Trong giới nghiên cứu cũng xuất hiện nhiều ý kiến khác nhau về việc phân biệt thành ngữ với quán ngữ. Khó để có thể phân biệt một cách rạch ròi bằng mức độ *tính cố định* của các thành tố cấu tạo và *tính bóng bẩy, gợi tả* của nội dung ngữ nghĩa. Nguyễn Công Đức cho rằng nên *khuôn định quán ngữ trong phạm vi hẹp, là những cụm từ làm chức năng dẫn tiếp, đưa đẩy trong các phong cách ngôn ngữ khác nhau* [7]. Theo Đỗ Hữu Châu *quán ngữ là những cách nói, cách diễn đạt cần thiết để đưa đẩy, để chuyển ý hay dẫn ý, để nhập đề chứ không có tác dụng nêu bật một sắc thái của những cái có tên hoặc nêu bật ra các sự vật, hiện tượng, tính chất...chưa có tên gọi* [2;78].

Trên thực tế, nhiều nhà Việt ngữ học cũng có cách nhìn tương tự như thế. Theo Nguyễn Thiện Giáp, *quán ngữ là những cụm từ được dùng lặp đi lặp lại trong các loại văn bản để liên kết, đưa đẩy, rào đón hoặc nhấn mạnh nội dung cần diễn đạt nào đó ...*[9;68]. Cũng tương tự như vậy, các tác giả cuốn *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt* đã khẳng định: *Quán ngữ là những cụm từ được dùng lặp đi lặp lại trong các loại diễn từ (discourse) thuộc các*

*phong cách khác nhau. Chức năng của chúng là đưa đẩy, rào đón để nhấn mạnh hoặc để liên kết trong các diễn từ [3;76].*

Như vậy, quán ngữ khác với thành ngữ không phải ở tính lỏng - chặt trong kết cấu, không phải ở mức độ tính gọi tả bóng bẩy trong ngữ nghĩa mà ở **chức năng**. Quán ngữ không có chức năng định danh, gọi tên sự vật như thành ngữ, mà chỉ là những đơn vị có chức năng đưa đẩy, rào đón, liên kết hoặc nhấn mạnh ý trong các loại ngôn bản khác nhau. Chẳng hạn như: *của đáng tội, nói khí không phải, cực chẳng đã, chẳng giầu gì, ...*

### **b. Phân biệt thành ngữ với tục ngữ**

Sự phân biệt ranh giới giữa thành ngữ và tục ngữ không đơn giản, có nhiều quan điểm khác nhau. Bởi thành ngữ và tục ngữ là những cụm từ cố định, chặt chẽ về cấu trúc hình thái, bóng bẩy và gọi tả. Mỗi tác giả tìm cho mình những tiêu chí khác nhau để nhận diện và phân biệt hai đơn vị này.

Trong tạp chí *Ngôn ngữ* số 3 năm 1972, Nguyễn Văn Mệnh với bài *Ranh giới giữa thành ngữ và tục ngữ* đã lấy tiêu chí **nội dung** và **hình thức** để phân biệt thành ngữ với tục ngữ. Tác giả nhận xét: *“có thể nói có nội dung của thành ngữ mang tính chất hiện tượng, còn nội dung của tục ngữ nói chung mang tính quy luật. Từ sự khác nhau về nội dung dẫn đến sự khác nhau về hình thức ngữ pháp, về năng lực hoạt động trong chuỗi lời nói... Về hình thức ngữ pháp, mỗi thành ngữ chỉ có một từ, chưa phải một câu hoàn chỉnh. Tục ngữ thì khác hẳn, mỗi câu tục ngữ tối thiểu là một câu”*

Theo tác giả Cù Đình Tú thì cần phải có một tiêu chí khác để khu biệt thành ngữ với tục ngữ, đó là **chức năng định danh**. Ông cho rằng: *“Sự khác nhau giữa thành ngữ và tục ngữ là sự khác nhau về chức năng. Thành ngữ là đơn vị có sẵn mang chức năng định danh, nói khác đi là để gọi tên sự vật, tính chất, hành động. Về mặt này mà nói, thành ngữ là đơn vị tương tự với*



từ... Tục ngữ cũng giống như các sáng tạo khác của dân gian như ca dao, truyện cổ tích, đều là các thông báo. Nó thông báo một nhận định, một kết luận về một phương diện nào đó của thế giới khách quan. Do đó mỗi câu tục ngữ đọc lên là một câu hoàn chỉnh, diễn đạt trọn vẹn một ý tưởng.”[36;40].

Vũ Ngọc Phan trong cuốn *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, phân biệt tục ngữ với thành ngữ dựa vào **nội dung** và **kết cấu ngữ pháp**. Tác giả viết: “Tục ngữ là một câu tự nó diễn đạt trọn vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lí, một công lí, có khi là một phê phán. Còn thành ngữ là một phần câu có sẵn, nó là một bộ phận của câu mà nhiều người đã quen dùng, nhưng tự nó không diễn đạt được một ý trọn vẹn. Về hình thức ngữ pháp, mỗi thành ngữ chỉ là một nhóm từ, chưa phải một câu hoàn chỉnh”

Các tác giả cuốn *Tục ngữ Việt Nam* (Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang, Phương Tri) lại dựa trên tiêu chí **nhận thức luận** để phân biệt thành ngữ với tục ngữ. Với tiêu chí đó, các tác giả sách này cho rằng: “Tục ngữ như một hiện tượng ý thức xã hội, còn thành ngữ chủ yếu như một hiện tượng ngôn ngữ” [5;27]. Như vậy sự khác nhau cơ bản giữa thành ngữ và tục ngữ là “sự khác nhau về nội dung của hai hình thức tư duy khác nhau” [5;28], một bên (thành ngữ) là khái niệm, một bên (tục ngữ) là phán đoán.

Cũng theo các tác giả này, “”bản thân mỗi câu tục ngữ đã có một nội dung trọn vẹn được khuôn đúc lại trong một mệnh đề tuy rút ngắn nhưng lại hoàn chỉnh. Thành ngữ là sản phẩm của cách nói ví von phổ biến trong nhân dân. Điều đó làm cho thành ngữ và tục ngữ tuy phân biệt với nhau nhưng cũng có nhiều khi thâm nhập với nhau về mặt thể loại. Do đó, có trường hợp một thành ngữ nhất định cũng được dùng như một câu tục ngữ” [5;13].

Hoàng Văn Hành trong cuốn *Thành ngữ học tiếng Việt* cũng nhận xét: “thành ngữ tuy có nhiều nét tương đồng với tục ngữ (như tính bền vững về

*cấu tạo, tính bóng bẩy về nghĩa...)* nhưng lại khác tục ngữ về bản chất. Sự khác biệt ấy thể hiện ở chỗ: **Thành ngữ là những tổ hợp từ “đặc biệt”, biểu thị những khái niệm một cách bóng bẩy, còn tục ngữ là những câu – ngôn bản đặc biệt, biểu thị những phán đoán một cách nghệ thuật**”.[ 14]

Cùng với một số phân tích khác, tác giả đưa đến kết luận về sự đồng nhất và dị biệt ấy bằng lược đồ sau:

<b>Những đặc trưng dùng làm tiêu chí nhận diện</b>	<b>Thành ngữ</b>	<b>Tục ngữ</b>
1. Đặc trưng về hình thái cấu trúc, có vần điệu, có đối điệp.	Tổ hợp cố định (hoặc kết cấu chủ vị), quan hệ hình thái.	Câu (phát ngôn) cố định (cả đơn và phức), quan hệ cú pháp.
2. Chức năng biểu hiện nghĩa định danh	Định danh sự vật, hiện tượng, quá trình...	Định danh sự tình, sự kiện, trạng huống.
3. Chức năng biểu hiện hình thái nhận thức	Biểu hiện khái niệm bằng hình ảnh biểu trưng.	Biểu thị phán đoán bằng hình tượng biểu trưng.
4. Đặc trưng ngữ nghĩa	Hai tầng ngữ nghĩa được tạo bằng phương thức so sánh và ẩn dụ hóa.	Hai tầng nghĩa được tạo bằng phương thức so sánh và ẩn dụ hóa.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu của các nhà Việt ngữ học kể trên, chúng tôi rút ra những đặc điểm cơ bản dưới đây nhằm phân biệt tục ngữ và thành ngữ:

**Điểm tương đồng**, thành ngữ và tục ngữ đều là những đơn vị do các từ tạo nên, có tính ổn định cao. Đặc điểm chung này chính là nguyên nhân tạo ra sự nhầm lẫn và khó khăn khi phân biệt thành ngữ, tục ngữ.

**Điểm khác biệt:**

<b>Đặc điểm</b>	<b>Thành ngữ</b>	<b>Tục ngữ</b>
Về cấu tạo	Là một cụm từ cố định	Là một câu hoàn chỉnh – “câu thông điệp nghệ thuật”
Về ngữ nghĩa	Là đơn vị định danh bậc hai; định danh miêu tả sự vật, sự việc.	Là những phán đoán đúc kết kinh nghiệm sản xuất, kinh nghiệm đời nhân xử thế.
Khả năng hoạt động (hành chức)	Không dùng độc lập	Đứng độc lập, diễn đạt một ý trọn vẹn.

**1.1.1.4. Phân loại thành ngữ**

Với một số thành ngữ trong tiếng Việt tương đối lớn, việc phân loại thành ngữ trong nghiên cứu là một việc không đơn giản. Các nhà Việt ngữ học đã phân loại thành ngữ trên một số tiêu chí khác nhau. Chúng tôi xin dẫn ra một số quan điểm phân loại như sau:

Đỗ Hữu Châu trong *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt* đặt thành ngữ trong **sự tương ứng về mặt chức năng và chỉ thay thế cho nhau** đã phân thành:

- Thành ngữ tương đương với từ sẵn có (hiển nhiên hay không hiển nhiên).
- Thành ngữ không tương đương với từ.

Nguyễn Thiện Giáp đặt thành ngữ trong **tương quan với cấu tạo từ ghép**, phân chia thành ngữ thành hai loại:

- Thành ngữ hòa kết
- Thành ngữ hợp kết.

Cù Đình Tú nghiêng về **sự tương ứng đặc trưng từ loại giữa thành ngữ và từ** để phân chia các thành ngữ tiếng Việt thành ba loại:

- Thành ngữ biểu thị sự vật (tương ứng với đặc trưng của danh từ): *con rồng cháu tiên, đường đi nước bước...*

- Thành ngữ biểu thị hành động (tương ứng với đặc trưng của động từ): *nước đổ lá khoai, được voi đòi tiên, đứng núi này trông núi nọ...*

- Thành ngữ biểu thị tính chất (tương ứng với đặc trưng của tính từ): *chân lấm tay bùn, đầu tắt mặt tối,...*

Nguyễn Công Đức trong luận án Phó Tiến sĩ (1995) đã phân chia thành ngữ dựa trên những tiêu chí như: **đối/ không đối, so sánh/ không so sánh, so sánh ẩn/ so sánh hiện** thành ba loại lớn như sau:

- Thành ngữ đối: *một nắng hai sương, chân lấm tay bùn, nói có sách mách có chứng, thân trâu trâu lo thân bò bò liệu,...*

- Thành ngữ so sánh: *ngang như cua, đẹp như tranh, như cá với nước, như chó với mèo, nói như thánh phán, như đĩa phải vôi,...*

- Thành ngữ thường (không đối, không so sánh): *theo đóm ăn tàn, gửi trứng cho ác, ngậm miệng ăn tiền, chó mặc váy lĩnh,...*

Có những tác giả không đặt vấn đề phân loại thành ngữ nhưng lại tách một trong các loại thành ngữ để làm đối tượng nghiên cứu. Chẳng hạn, Bùi Khắc Việt (1981) và một số tác giả khác đã tách riêng **thành ngữ đối** để luận giải. Hoàng Văn Hành (1976) tách riêng **thành ngữ so sánh** để luận giải. Sau này, trong công trình nghiên cứu tổng hợp của mình – chuyên khảo “*Thành ngữ học tiếng Việt*”, ông đã đưa ra quan niệm phân loại thành ngữ:

Một là, “nếu tạm gác lại tính logic, tính hệ thống chặt chẽ trong việc phân loại thành ngữ, mà chú ý nhiều đến tính chất tiện lợi cho việc miêu tả, chúng ta có thể chia toàn bộ vốn thành ngữ tiếng Việt ra ba loại lớn: **thành ngữ đối, thành ngữ so sánh và thành ngữ thường.**”[14;38]

Hai là, căn cứ vào phương thức tạo nghĩa, có thể chia thành ngữ tiếng Việt thành hai loại lớn:

- Thành ngữ so sánh.
- Thành ngữ ẩn dụ hóa.

Ba là, theo tiêu chí cấu trúc, thành ngữ tiếng Việt chia làm hai loại lớn:

- Thành ngữ đối xứng.
- Thành ngữ phi đối xứng.

Trên đây là một số cách phân loại tiêu biểu của các nhà nghiên cứu. Trên thực tế còn nhiều cách phân loại khác dựa trên những mục đích nghiên cứu khác nhau. Chính bởi sự phức tạp, nan giải trong vấn đề phân loại nên cho đến nay chưa có một cách phân loại thực sự thống nhất về thành ngữ tiếng Việt. Tiếp thu quan niệm của các nhà nghiên cứu đi trước cùng với suy nghĩ của bản thân, chúng tôi cho rằng việc phân loại thành ngữ chỉ là tương đối và cần kết hợp cả tiêu chí hình thức lẫn tiêu chí ngữ nghĩa. Bên cạnh đó cũng phải tính đến yếu tố thuận lợi cho việc nghiên cứu. Trên cơ sở này, chúng tôi thống nhất với cách phân loại của Nguyễn Công Đức và Hoàng Văn Hành - phân thành ngữ vào ba loại cụ thể: ***thành ngữ so sánh, thành ngữ đối và thành ngữ thông thường.***

### ***1.1.2. Thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt***

#### ***1.1.2.1. Khái niệm***

Theo “*Từ điển tiếng Việt*” của Viện ngôn ngữ học do tác giả Hoàng Phê chủ biên: “*Gió*” là hiện tượng không khí trong khí quyển chuyển động thành luồng từ vùng áp thấp cao đến vùng áp suất thấp. [37;401] “*Mưa*” hiện tượng nước rơi từ các đám mây xuống mặt đất. [37;652] “*Nắng*” ánh sáng trực tiếp từ mặt trời chiếu xuống. [37;611]

Từ khái niệm trên, có thể hiểu *thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “gió, mưa, nắng”* là các thành ngữ thể hiện bộ phận trực tiếp

cấu thành của một chỉnh thể trong không gian, thời gian với toàn thể những gì tồn tại và phát triển mà không phải do con người tạo ra về “gió, mưa, nắng”.

*1.1.2.2. Phân loại thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “gió, mưa, nắng” trong tiếng Việt*

Có thể nói, kho tàng gần 8000 thành ngữ tiếng Việt có chứa những nội dung phong phú, vô cùng, vô tận của cuộc sống. Các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “gió, mưa, nắng” chỉ là một phạm trù nội dung nhỏ hẹp trong số rất nhiều các nội dung của thành ngữ, nhưng chiếm một số lượng đáng kể. Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, có 1368 thành ngữ chỉ các hiện tượng tự nhiên nói chung.

Trong 1368 thành ngữ chỉ các hiện tượng tự nhiên đó, chúng tôi khảo sát được 155 thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “gió, mưa, nắng”. Từ đó, chúng tôi phân loại thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “gió, mưa, nắng” dựa trên một số các tiêu chí sau:

*a. Dựa theo tiêu chí đối/ không đối, so sánh/ không so sánh, so sánh ẩn/ so sánh hiện (như quan điểm của Nguyễn Công Đức và Hoàng Văn Hành):*

<b>Thành ngữ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Ví dụ</b>
Thành ngữ đối	59	38,1%	<i>Gió kếp mưa đơn; Gió tựa hoa kè; Nắng tấp mưa sa; Mưa bom gió đạn; Mưa dầm gió bắc; Nắng không ưa, mưa không chịu; Năm nắng mười mưa ...</i>
Thành ngữ so sánh	20	12,9%	<i>Mưa như trút nước; Mưa như xối nước; Nắng như thiêu như đốt; Nắng như đổ lửa...</i>
Thành ngữ thường	76	49%	<i>Mưa gió thuận hòa; Mưa lâu thấm đất; Gió vào nhà trồng; ...</i>
<b>Tổng</b>	<b>155</b>	<b>100%</b>	

*b. Dựa theo tiêu chí số lượng âm tiết*

<b>Thành ngữ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Ví dụ</b>
3 âm tiết	7	4,5%	<i>Nắng như lửa; Nắng như thiêu; Nắng xiên khoai; Ôn mưa móc; Mưa như trút; Mưa không khắp.</i>
4 âm tiết	130	84%	<i>Gió kếp mưa đơn; Mưa bom gió đạn; Mưa dầm gió bắc; Mưa như trút nước; Mưa như xối nước; Gió tựa hoa kê; Cây gió chịu bão; Nắng tấp mưa sa...</i>
5 âm tiết	8	5,2%	<i>Nắng như thiêu như đốt; Gió thổi là chổi trời; Như trời hạn mong mưa; Chạy trời cho khỏi nắng...</i>
6 âm tiết	7	4,5%	<i>Nắng không ua, mưa không chịu; Gió chiều nào che chiều ấy; Gió chiều nào xoay chiều ấy; Mưa như cảm chinh mà đổ; Nắng lâu gặp trận mưa rào; ...</i>
7 âm tiết	1	0,6%	<i>Nắng đan đóm, mưa gió đan gầu.</i>
8 âm tiết	1	0,6%	<i>Mưa không đến mặt, nắng không đến đầu.</i>
9 âm tiết	1	0,6%	<i>Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống.</i>
<b>Tổng</b>	<b>155</b>	<b>100%</b>	

*c. Dựa vào quan hệ ngữ pháp trong thành ngữ*

- Thành ngữ có quan hệ chính phụ:

+ Quan hệ chính phụ trong cụm danh từ: *Gió bãi trắng ngàn; Mưa bom gió đạn; Gió tựa hoa kê;...*

+ Quan hệ chính phụ trong cụm động từ: *Mưa như trút nước; Mưa như xối nước; Mưa dập gió dồn; Gió chiều nào che chiều ấy; Gió chiều nào xoay chiều ấy...*

+ Quan hệ chính phụ trong cụm tính từ: *Gió thấm mưa sâu; Gió mát trăng thanh; Mưa thuận gió hòa...*

- Thành ngữ có quan hệ đẳng lập: *Gió đục mây vẫn...*

- Thành ngữ có quan hệ chủ vị: *Nắng không ưa, mưa không chịu; Mưa không đến mặt, nắng không đến đầu...*

*d. Dựa vào nghĩa biểu trưng*

- Thành ngữ có nghĩa biểu trưng: *Nắng như thiêu như đốt; Gió kóp mưa đơn; Mưa bom gió đạn; Mưa dầm gió bắc; Mưa như trút nước; Mưa như xối nước; Mưa lâu thấm đất...*

- Thành ngữ không có nghĩa biểu trưng: *Mưa dập gió dồn; Mưa thuận gió đều...*

**1.2. Lí thuyết ba bình diện**

Lý thuyết ba bình diện trong ngôn ngữ học được kế thừa từ lí thuyết kí hiệu học của Ch.Morriss (1938). Ch.Morriss đã phân biệt ba lĩnh vực trong mọi hệ thống kí hiệu học:

- Kết học (syntactics): nghiên cứu các kí hiệu trong những mối quan hệ kết hợp với các kí hiệu khác.

- Nghĩa học (semantics): nghiên cứu các kí hiệu trong những mối quan hệ với các sự vật ở bên ngoài hệ thống kí hiệu.



- Dụng học (pragmatics): nghiên cứu các kí hiệu trong những mối quan hệ với những người sử dụng nó.

Ngôn ngữ cũng là một hệ thống tín hiệu. Vì thế ngôn ngữ cũng được nghiên cứu trên ba bình diện.

### **1.2.1. Bình diện ngữ pháp**

Theo tác giả Diệp Quang Ban, ở bình diện kết học, ngôn ngữ nghiên cứu *“những mối quan hệ giữa các kí hiệu ngôn ngữ trong một chuỗi lời nói và nói chung là trong trình tự trước sau về thời gian của chúng. Trong ngôn ngữ, các kí hiệu trước hết là các từ. Kết học trong phạm vi nghiên cứu câu được gọi là cú pháp và gồm có cú pháp câu và cú pháp cụm từ”*. [1]

Tác giả Nguyễn Thị Lương cũng có cùng quan điểm: *“bình diện ngữ pháp của câu nghiên cứu các quy tắc, cách thức liên kết các từ thành cụm từ (gọi là cú pháp cụm từ) và thành câu, các kiểu câu (gọi là cú pháp câu)”* [22;23].

- *Cú pháp cụm từ*: nghiên cứu cấu tạo ngữ pháp của các loại cụm từ, đặc biệt là cụm từ chính phụ.

- *Cú pháp câu*: nghiên cứu đặc điểm, chức năng của các thành phần câu; cấu tạo ngữ pháp của các kiểu câu theo kết cấu C - V, các kiểu câu theo mục đích nói.

### **1.2.2. Bình diện ngữ nghĩa**

Cũng theo tác giả Diệp Quang Ban, nghĩa học *“nghiên cứu về ý nghĩa và các ý nghĩa được hiểu là cái gì ở giữa các từ, các câu...với cái mà các từ, các câu này diễn tả”* [1]. Nghĩa học cũng là phần nghiên cứu mối quan hệ giữa các đơn vị ngôn ngữ (xét ở mặt âm thanh) với các vật, việc, hiện tượng,...có liên quan mà đơn vị đó biểu hiện. Nghĩa học ngày nay không chỉ nghiên cứu nghĩa của từ riêng lẻ mà nghiên cứu nghĩa của câu, của văn bản.

Bình diện ngữ nghĩa của ngôn ngữ chỉ tập trung vào nghĩa tường minh, loại nghĩa được thể hiện qua bề mặt câu chữ. Nghĩa tường minh bao gồm hai thành phần chính là nghĩa biểu trưng và nghĩa tình thái.

- *Nghĩa biểu trưng*: là toàn bộ những ý nghĩa, những ý niệm khái quát từ hình ảnh hoặc sự vật, sự việc cụ thể được miêu tả, được nói tới.

- *Nghĩa tình thái*: là phần nghĩa thể hiện mục đích, thái độ, quan hệ, đánh giá của người nói đối với người nghe hoặc hiện thực được phản ánh.

### **1.2.3. Bình diện ngữ dụng**

Yule (1996) cho rằng: *dụng học là sự nghiên cứu về nghĩa của lời nói, nghiên cứu về nghĩa của ngữ cảnh, nghiên cứu về cách thức để có được nhiều hơn cái được nói ra, nghiên cứu về sự thể hiện thế giới khách quan.*

Theo cách định nghĩa của Giáo sư Diệp Quang Ban, dụng học là bộ môn nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ trong mối quan hệ với ngữ cảnh xã hội, đặc biệt là những ý nghĩa của câu (phát ngôn) xuất hiện trong những ngữ cảnh tình huống.

Bình diện ngữ dụng của từ (hoặc cụm từ) nghiên cứu nghĩa của nó trong sử dụng. Tìm hiểu bình diện này đòi hỏi chúng ta phải đặt từ (hoặc cụm từ) đó trong câu, vào ngữ cảnh cụ thể.

Vận dụng lý thuyết về thành ngữ vào nghiên cứu thành ngữ, trong khuôn khổ của luận văn, chúng tôi chỉ tập trung lí giải thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trên ba bình diện.

Cùng với ngữ pháp và ngữ nghĩa, ngữ dụng học góp phần tạo nên một hướng nghiên cứu ngôn ngữ mới mẻ. Nghiên cứu thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trên ba bình diện, có thể thấy sự chi phối không nhỏ của bình diện ngữ dụng đối với bình diện ngữ pháp và ngữ nghĩa. Bởi ba bình diện này có mối quan hệ chặt chẽ, khăng khít với

nhau “*tồn tại vì nhau, dựa vào nhau, không thể hiểu thấu đáo một bình diện nếu tách nó khỏi hai bình diện kia*”.

### **1.3. Tiêu kết**

Như vậy, ở chương 1, chúng tôi đã khái quát một số đơn vị lý thuyết: các vấn đề về thành ngữ tiếng Việt nói chung, thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “*nắng, mưa, gió*” nói riêng (về khái niệm, đặc trưng, phân loại), vấn đề về lý thuyết ba bình diện trong ngôn ngữ học. Việc khái quát các vấn đề về thành ngữ giúp chúng tôi có cái nhìn hệ thống và đúng đắn về đối tượng nghiên cứu trong quá trình tìm hiểu. Còn lý thuyết ba bình diện được chúng tôi khái quát để vận dụng ở cấp độ cụm từ. Những vấn đề này là cơ sở lý luận làm tiền đề cho việc triển khai các vấn đề chính của luận văn ở chương 2 và chương 3.

## Chương 2

### THÀNH NGỮ CÓ THÀNH TỔ CHỈ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN “NẮNG, MƯA, GIÓ” TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ PHÁP

Vận dụng lí thuyết ba bình diện đã nói ở chương I, chúng tôi tìm hiểu thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng “nắng, mưa, gió” trên bình diện ngữ pháp với những vấn đề sau:

- Cấu tạo ngữ pháp
- Vị trí - khả năng kết hợp và chức năng ngữ pháp

Có thể nhận thấy: cấu tạo ngữ pháp của thành ngữ chính là đặc điểm ngữ pháp trong nội bộ ngữ pháp của thành ngữ khi đặt trong câu. Hơn nữa, đặc điểm về vị trí - khả năng kết hợp và chức năng ngữ pháp là những đặc điểm ngữ pháp của thành ngữ có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong đó, chức năng ngữ pháp của thành ngữ đóng vai trò quan trọng, chi phối không nhỏ đến vị trí, khả năng kết hợp của thành ngữ trong cụm từ và câu. Trên cơ sở đó, chúng tôi sẽ tìm hiểu những đặc điểm này đan xen, lồng ghép với nhau. Để thuận lợi cho việc nghiên cứu, chúng tôi chia các đặc điểm ngữ pháp của thành ngữ thành hai nội dung:

- Cấu tạo ngữ pháp của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng “nắng, mưa, gió”

- Vị trí - khả năng kết hợp và chức năng ngữ pháp

Khi xem xét bình diện ngữ pháp của loại thành ngữ này, chúng tôi nhận thấy cần vận dụng khá nhiều các kiến thức liên quan đến từ loại tiếng Việt. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn tồn tại rất nhiều các quan điểm khác nhau về tên gọi cũng như hệ thống từ loại của tiếng Việt. Chúng tôi thống nhất với quan điểm của tác giả Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương trong giáo trình *Ngữ pháp tiếng Việt* (NXB ĐHSP, 2007) về hệ thống từ loại trong tiếng Việt. Cụ thể như sau:

## Hệ thống từ loại tiếng Việt

<i>Thực từ</i>					<i>Hư từ</i>		
Danh từ	Động từ	Tính từ	Số từ	Đại từ	Phụ (phó) từ	Quan hệ từ	Tình thái từ

Qua khảo sát, nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy về mặt ngữ pháp, các thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt có các đặc điểm sau:

### 2.1. Cấu tạo ngữ pháp của thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng “nắng, mưa, gió”

Hướng nghiên cứu của chúng tôi trong phần này là đi mô tả cấu tạo của thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng “nắng, mưa, gió” theo nhóm đã phân loại trong chương I (thành ngữ đối xứng, thành ngữ so sánh, thành ngữ thường). Song để thuận lợi cho việc khái quát, chúng tôi lại chia mỗi loại thành ngữ thành các nhóm thành ngữ có quan hệ ngữ pháp tương đồng: nhóm thành ngữ có quan hệ chính phụ, nhóm thành ngữ có quan hệ đẳng lập, nhóm thành ngữ có quan hệ chủ - vị. Ở mỗi nhóm này, chúng tôi đi vào khái quát và mô tả các kiểu cấu tạo của thành ngữ.

#### 2.1.1. Thành ngữ có kết cấu đối xứng

Các thành ngữ đối xứng đều có thể quy về mô hình khái quát sau:

<i>Vế 1</i>		<i>Vế 2</i>	
A	X	B	Y

Ví dụ: *Gió kép mưa đơn; mưa thuận gió hòa ...*

Ở mô hình cấu tạo trên, các cụm động từ chỉ gồm hai phần: phần trung tâm và phần phụ. Qua khảo sát chúng tôi thấy rằng các cụm từ trung tâm thường xuyên xuất hiện thành phần phụ sau chứ không có thành phần phụ

trước. Dưới đây chúng tôi sẽ phân tích cụ thể từng kiểu mô hình cấu tạo các vế của các thành ngữ theo các nhóm có các quan hệ ngữ pháp tương đồng.

#### 2.1.1.1. Thành ngữ đối có quan hệ chính phụ

Thành ngữ đối có quan hệ chính phụ là thành ngữ có quan hệ ngữ pháp trong các vế đối là quan hệ chính phụ. Các vế đối trong thành ngữ đối thường được cấu tạo bằng các cụm danh từ, cụm tính từ. Sau đây, chúng tôi sẽ đi khái quát và phân tích các kiểu cấu tạo của từng nhóm.

##### *Thành ngữ đối có các vế đối là cụm danh từ*

Thành ngữ đối có thành tố chỉ các hiện tượng “nắng, mưa, gió” có các vế đối là cụm danh từ mà chúng tôi khảo sát được thường có chứa các danh từ chỉ các hiện tượng tự nhiên (*nắng, mưa, gió ...*). Cấu tạo của các cụm danh từ này gồm có hai thành tố: một thành tố chính và một thành tố phụ (phụ trước hoặc phụ sau). Trong khi đó, ở dạng đầy đủ, cụm danh từ thường gồm ba phần:

<i>Cụm danh từ</i>		
Phần phụ trước	Phần trung tâm	Phần phụ sau

Kết quả khảo sát các thành ngữ đối có vế đối là cụm danh từ có các kiểu cấu tạo sau:

##### ***Kiểu 1: danh từ + tính từ***

Trong kiểu cấu tạo này, mỗi vế của thành ngữ là một cụm danh từ gồm hai thành tố: thành tố chính là danh từ và thành tố phụ sau là một động từ hoặc một cụm tính từ. Tính từ theo sau làm bổ ngữ danh từ đi trước nó.

Kiểu cấu tạo ***danh từ + tính từ*** ở loại thành ngữ đối có 4 âm tiết.

Ví dụ: *Gió kếp* / *mưa đơn*

vế 1          vế 2



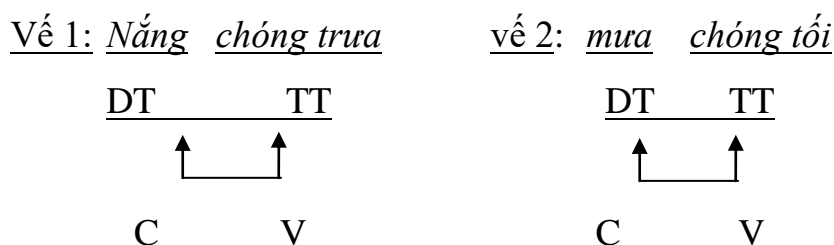




### **Kiểu 2: Danh từ + tính từ**

Kiểu câu tạo này có 1 thành ngữ: *Nắng chóng trưa, mưa chóng tối*

Phân tích cụ thể như sau:



Đặc điểm của mỗi vế đối trong thành ngữ này:

Trạng từ làm vị ngữ trong vế thứ nhất cũng là trạng từ làm vị ngữ trong vế thứ hai, tính từ bổ ngữ cho trạng từ trong hai vế đối là trạng từ chỉ thời gian (*trưa/ tối*).

Xuất hiện 59/155 thành ngữ đối chiếm 38,1%, các thành ngữ còn lại xuất hiện với các tần số khác nhau. Tất cả tạo nên diện mạo khá phong phú cho hệ thống thành ngữ có các thành tố chỉ các hiện tượng “nắng, mưa, gió”.

### **2.1.2. Thành ngữ có kết cấu so sánh**

#### **2.1.2.1. Thành ngữ so sánh có cấu tạo là cụm danh từ**

Các thành ngữ so sánh có cấu tạo là cụm danh từ bao gồm hai thành tố: thành tố chính là danh từ hoặc cụm danh từ, thành tố phụ (sau) có thể là một từ hoặc một cụm từ bổ nghĩa cho danh từ đi trước nó. Qua khảo sát, chúng tôi khảo sát được một số kiểu cấu tạo như sau:

#### **Kiểu 1: Danh từ + như + động từ + danh từ**

Đây là kiểu cấu tạo phổ biến của các thành ngữ so sánh: *Mưa như trút nước, mưa như xối nước, mưa như đổ nước, nắng như đổ lửa ...*

Trong kiểu cấu tạo này, mỗi thành ngữ so sánh là một cụm danh từ có ba thành tố: thành tố chính là các danh từ chỉ “nắng, mưa, gió”, thành tố phụ với cấu trúc: *như B* (như + danh từ + động từ) có ý nghĩa bổ ngữ cho danh từ

làm thành phần trung tâm đi trước.

Phân tích cấu tạo cụ thể một thành ngữ như sau:

Mưa    như    trút    nước

DT    (QHT)    ĐT    DT

Nắng    như    đổ    lửa

DT    (QHT)    ĐT    DT

**Kiểu 2: Danh từ + như + động từ**

Đây là kiểu cấu tạo không nhiều, qua khảo sát chỉ có hai thành ngữ:

*Mưa như trút, mưa như dội.*

Thành ngữ so sánh này là một cụm danh từ có hai thành tố: thành tố chính là các danh từ chỉ “nắng, mưa, gió”, thành tố phụ với cấu trúc: *như B* (như + động từ) có ý nghĩa bổ ngữ cho danh từ làm thành phần trung tâm đi trước.

Phân tích cấu tạo cụ thể thành ngữ như sau:

Nắng    như    thiêu

DT    (QHT)    ĐT

Mưa    như    dội

DT    (QHT)    ĐT

**Kiểu 3: danh từ + như + động từ + như + động từ**

Thành ngữ có kiểu cấu tạo này chỉ có một là: *nắng như thiêu như đốt.*

Thành ngữ so sánh này là một cụm danh từ có hai thành tố: thành tố chính là các danh từ chỉ “nắng, mưa, gió”, thành tố phụ với cấu trúc: *như B như C* (như + động từ) có ý nghĩa bổ ngữ cho danh từ làm thành phần trung tâm đi trước.

Phân tích cấu tạo cụ thể thành ngữ như sau:

Nắng    như    thiêu    như    đốt

DT    (QHT)    ĐT    (QHT)    ĐT

### 2.1.2.2. Thành ngữ so sánh có cấu tạo là cụm chủ vị

Qua khảo sát, chúng tôi khái quát được một kiểu cấu tạo sau:

**Kiểu: danh từ + động từ + như + danh từ**

Thành ngữ kiểu cấu tạo này chỉ có một thành ngữ là: *gió vẫn như bão*.

Có thể phân tích cấu tạo cụ thể của thành ngữ như sau:

Gió    vẫn    như    bão  
DT    ĐT    (QHT)    DT  
C    ↑    ↑    V

### 2.1.2.3. Thành ngữ so sánh có cấu tạo đặc biệt

Chúng tôi xem xét những thành ngữ có cấu trúc “như B” vào dạng đặc biệt với một số kiểu cấu tạo cụ thể sau:

**Kiểu 1: cụm danh từ**

Kiểu cấu tạo này có thành ngữ: *Mưa bóng mây*

Ví dụ: Mưa bóng mây

cụm DT

**Kiểu 2: như + cụm danh từ**

Kiểu cấu tạo này có thành ngữ: *Như hạt mưa rào*

Ví dụ: Như    hạt mưa rào

QHT ↑    ↑ cụm DT

**Kiểu 3: như + danh từ + động từ + danh từ**

Kiểu cấu tạo này có thành ngữ: *như hạn gặp mưa rào, như hạn mong mưa, như điều gặp gió*.

Ví dụ: Như    hạn    mong    mưa

QHT    DT    ĐT    DT

Kiểu cấu tạo này có thành ngữ:

Như   điều   gặp   gió  
QHT   DT   ĐT   DT

### 2.1.3. Thành ngữ có kiểu cấu tạo thường

Thành ngữ thường chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” có cấu tạo khá đa dạng. Chúng tôi chỉ đi vào miêu tả, phân tích một số kiểu cấu tạo tiêu biểu.

#### 2.1.3.1. Thành ngữ thường có cấu tạo là cụm danh từ

##### **Kiểu 1: danh từ + tính từ + danh từ + tính từ**

Thành ngữ có kiểu cấu tạo này là: *mưa to gió lớn, ...*

Những thành ngữ này có cấu tạo là một cụm danh từ gồm bốn thành tố: phần trung tâm là hai danh từ, phần phụ là hai tính từ bổ ngữ cho danh từ đi trước.

Có thể phân tích cấu tạo cụ thể của thành ngữ loại này như sau:

Ví dụ: Mưa   to   gió   lớn  
DT   TT   DT   TT

##### **Kiểu 2: danh từ/cụm danh từ + động từ + danh từ/cụm danh từ**

Thành ngữ có kiểu cấu tạo này có ba thành ngữ: *nắng xiên khoai, nắng quai chiều hôm, đèo heo hút gió.*

Những thành ngữ này có cấu tạo là một cụm danh từ gồm hai thành tố: *danh từ/cụm danh từ* thứ nhất là phần trung tâm, *động từ + danh từ/cụm danh từ* phần phụ sau bổ ngữ cho danh từ trước nó. Phân tích một ví dụ cụ thể:

Nắng   xiên   khoai  
DT   ĐT   DT

**Kiểu 3: danh từ/cụm danh từ + tính từ + danh từ/cụm danh từ + tính từ**

Thành ngữ có kiểu cấu tạo này có ba thành ngữ: *mưa bóng mây, cút phải trời mưa, cò bộ phải trời mưa.*

Những thành ngữ này có cấu tạo là một cụm danh từ gồm hai thành tố: *danh từ/cụm danh từ* thứ nhất là phần trung tâm, *động từ + tính từ/cụm danh từ* phần phụ sau bổ ngữ cho danh từ/cụm danh từ trước nó. Phân tích một ví dụ cụ thể:

Gió sớm mưa chiều

DT TT DT TT

**2.1.3.2. Thành ngữ thường có cấu tạo là cụm động từ**

**Kiểu 1: cụm động từ + cụm danh từ**

Thành ngữ có kiểu cấu tạo này là: *Gió táp mưa sa*

Thành ngữ này có cấu tạo là một cụm động từ kết hợp với một cụm danh từ: *cụm động từ* là phần trung tâm, *cụm danh từ* phần phụ sau bổ ngữ cho cụm động từ trước nó. Phân tích một ví dụ cụ thể:

Gió táp mưa sa

CĐT CDT

**Kiểu 2: động từ + danh từ + động từ + danh từ**

Thành ngữ có kiểu cấu tạo này là: *Gieo gió gặt bão, đi mưa về gió, chóp bể mưa nguồn, chạy buồm xem gió,...*

Những thành ngữ này có cấu tạo là một cụm động từ gồm hai thành tố: *động từ + danh từ* thứ nhất là phần trung tâm, *động từ + danh từ* phần phụ sau bổ ngữ cho *động từ + danh từ* trước nó. Phân tích một ví dụ cụ thể:

Chạy buồm xem gió

ĐT DT ĐT DT

↑ ↑

ĐTTT



vậy, khi tìm hiểu chúng tôi đan xen, lồng ghép các đặc điểm này. Chúng tôi lấy đặc điểm ngữ pháp làm tâm để soi chiếu các đặc điểm còn lại. Vì chức năng ngữ pháp của cụm từ phần lớn quyết định khả năng vào vị trí của nó trong câu.

Như đã phân tích ở *phần 2.1*, có thể thấy diện mạo của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” khá phong phú. Thành ngữ chỉ “nắng, mưa, gió” bao gồm thành ngữ mang đặc điểm ngữ pháp tương đồng với cụm động từ, cụm danh từ, cụm tính từ, cụm chủ - vị. Sự phong phú này cho phép các thành ngữ chỉ “nắng, mưa, gió” có thể thực hiện chức năng của các thành phần câu.

### **2.2.1. Làm vị ngữ**

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các thành ngữ tham gia trực tiếp làm vị ngữ thường là các thành ngữ có đặc điểm ngữ pháp tương đồng với cụm danh từ, cụm động từ:

Ví dụ:

(1) Được thế là do cha ông ta mấy đời đánh vật với sóng gió, **nắng lửa mưa dầm**, bóc lên từng hòn đất đắp đê ngăn mặn. (Đất mặn - Chu Văn).

(2) Chiến sĩ ở tiền phương đã khổ mà lại luôn luôn ở dưới **mưa bom bão đạn**. (Hồ Chí Minh toàn tập).

(3) Mấy cậu nghĩ coi anh em đi lính bị thương nó nhắm không xài được nó vụn bỏ cho **gió đập sóng dùi**, cho cá rĩa quạ ăn thế. (Anh Đức, *Hòn Đất*)

(4) Cuộc đời, qua bức tranh này, rất dữ dội, đầy hững hờ tiếng **mưa gào gió thét** không có một bảo đảm nào cho bất cứ ai. (Hoài Thanh, *Phê bình và tiểu luận*)

(5) *Cuộc đời sương gió mênh mông*

*Em chưa có áo, anh không có nhà*

*Đường đời **nắng táp mưa sa***

Người dù có lạ, anh là người quen. (Lê Vĩnh Hòa, *Người tị nạn*)

(6) Một nụ cười chấp ***mưa gào gió rống***

Án tử hình không động đến làn môi.

(Xuân Diệu, *Tổ quốc ta thống nhất*)

(7) “- Không hiểu để nói với cháu hay nói cho mình yên dạ hơn.

Miệng ông vẫn lâm bẫm:

- Cháu ơi. Cháu đi xuôi đàng này thấy chỗ nào cao ráo, cháu dạt vào để người ta đưa cháu lên bờ, để cháu khỏi ***dầm mưa dãi nắng***, để khi nào nước rút bố mẹ cháu cùng bà con họ hàng đi theo bờ sông này xem nơi nào người ta làm phúc chôn cất cháu thì bố mẹ mới sửa sang cho cháu mồ yên mả đẹp cháu ơi!”

[Lê Lựu (2003), *Chuyện làng cuội*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr89.]

(8) “- Kể ra thì có thể không hợp với cậu đấy nhưng nó ngoan, chịu thương chịu khó. Minh đi vắng, bố mẹ già lúc ***trái nắng trở gười***, không có cô ấy ai chăm nom đỡ đàn các cụ. Các anh chị em ai cũng có phận có phần cả rồi. Im lặng. Anh còn hé cho Sài biết nhận xét của địa phương rất tốt. Gia đình vợ có hơi phức tạp, nhưng người ta xác nhận Sài không có liên quan và chịu ảnh hưởng kinh tế, chính trị”

[Lê Lựu (2011), *Thời xa vắng*, Nxb Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, tr139.]

(9) “Ai muốn... ***đi mây về gió***”

[Nguyễn Công Hoan (2004), *Đống sách cũ*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội, tr288.]



Để tiện cho việc phân tích cấu trúc ngữ pháp của những câu có chứa thành ngữ, chúng tôi trích dẫn câu chứa thành ngữ mà không dẫn nguyên cả ngữ liệu. Có thể phân tích chức năng ngữ pháp của thành ngữ tham gia làm vị ngữ trong câu qua một vài trường hợp cụ thể như sau:

Ở ví dụ (5): Đường đời/ *nắng táp mưa sa*

C V

Ở ví dụ (6): Một nụ cười/ *chấp mưa gào gió rống*

C V

Trong ví dụ (5) (6) (7) (8) (9), các thành ngữ *nắng táp mưa sa*, *mưa gào gió rống* đều trực tiếp tham gia làm vị ngữ của câu.

Khi đảm nhiệm chức năng làm vị ngữ trong câu, các thành ngữ này có các đặc điểm sau:

#### 2.2.1.1. Về khả năng kết hợp từ

Trên thực tế khảo sát, chúng tôi nhận thấy, các thành ngữ chỉ “*nắng, mưa, gió*” làm vị ngữ có hai khả năng:

*Một là*, đứng độc lập làm vị ngữ.

*Hai là*, kết hợp với các yếu tố khác làm vị ngữ.

Ở trường hợp thứ hai, có hiện tượng nhiều cụm động từ, cụm danh từ có thành ngữ làm bổ ngữ, định ngữ là vị ngữ của câu. Ở đây, chúng tôi không xét các thành ngữ loại này bởi chúng chỉ có tư cách làm thành phần phụ trong câu chứ không trực tiếp làm vị ngữ. Chúng tôi sẽ xét khả năng đảm nhiệm các thành phần đó của thành ngữ trong những mục sau. Ở phần này, chúng tôi chỉ xét những thành ngữ trực tiếp làm vị ngữ, là thành phần chính trong câu.

*Trường hợp: Thành ngữ đứng độc lập làm vị ngữ*

Các câu có thành ngữ độc lập làm vị ngữ thường là câu có cấu tạo đơn

giản, thành ngữ đứng ngay sau danh từ làm chủ ngữ như các trường hợp (1) (2) (3) (4) (6).

Có thể phân tích một ví dụ cụ thể:

Ví dụ (5): Đường đời/ *nắng táp mưa sa*

C V

Trong câu này, thành ngữ *nắng táp mưa sa* trực tiếp đảm nhiệm làm vị ngữ.

#### 2.2.1.2. Về vị trí

Khi đứng độc lập đảm nhiệm chức năng làm vị ngữ, thành ngữ luôn đứng cuối câu. Trong trường hợp kết hợp với các yếu tố khác tham gia làm vị ngữ, vị trí của thành ngữ trong câu khá phức tạp. Nếu sau thành ngữ không có yếu tố nào khác thì nó sẽ đứng cuối câu. Ngược lại, nếu thành phần phụ đi sau bổ nghĩa cho thành ngữ thì vị trí của thành ngữ là ở giữa câu.

#### 2.2.2. Làm chủ ngữ

Trong tiếng Việt đảm nhiệm chức năng làm chủ ngữ thường là các danh từ, cụm danh từ:

Ví dụ: *Năm nắng mười mưa/ dầm quắn công.*

C V

Đặc điểm của thành ngữ khi làm chủ ngữ trong câu:

##### 2.2.2.1. Về khả năng kết hợp từ

Khi đi vào hoạt động, loại thành ngữ có thể đứng độc lập làm chủ ngữ.

Thành ngữ cũng có thể kết hợp với yếu tố khác làm chủ ngữ và thường với các yếu tố làm phần phụ, đi sau thành ngữ.

Ví dụ:

“Cả anh Lập nữa, liều than trốn đi, trốn chui trốn nhủi khổ hơn con chó, để làm vương làm tướng gì cho cam, rút cuộc lại “đi bán cháo phôi”, lại

sấp mặt cuộc đất như hồi ở quê. *Chạy trời không khỏi nắng* các anh em ơi.”

Nguyễn Khắc Phê (2011), *Biết đâu địa ngục thiên đường*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr548.

“- Tôi chỉ kêu được có thế, rồi đồ ùng ra giường mà cười. *Cười như phải gió*”

[Y Ban (2005), *Cười chợ và những truyện ngắn mới*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr61.]

“- Cha tiên nhân tam tứ đại đồng đường nhà nó! Đồ quạ tha ma bắt, đồ ăn gian nói dối, dám đổi trắng thay đen dám vu oan giá họa chồng bà! Bà truyền bảo ba hôn chín vía cho mày được biết: Quân điều toa đi ngang về tắt, quen thói giảng hoa chim chuột, không chết treo chết chém thì cũng chết sông chết ngòi, chết đường chết sá, *mưa sa gió dập* đời mày! Ba vạn chín nghìn con âm binh quen đặt điều dựng chuyện cũng không cứu nổi cái tội mỏng môi hay hót của m...à...y!”

[Nguyễn Khắc Trường (2002), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr274.]

#### 2.2.2.2. Về vị trí

Khi làm chủ ngữ, các thành ngữ luôn đứng đầu câu. Vị trí này do chức năng ngữ pháp của nó quyết định.

Ví dụ:

“- Thời tiết đã chuyển sang thu từ lâu nhưng thỉnh thoảng vẫn còn sót lại những ngày *nắng như lửa*, còn nóng hơn cả tiết hạ.”

[Nguyễn Minh Châu (1977), *Nguyễn Minh Châu toàn tập*, tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội, tr864.]

“Vả chẳng có cây đước nào đứng riêng lẻ đâu? Nó đứng cạnh nhau, che chở cho nhau. Chỗ đứng *đầu sóng ngọn gió* sản sinh ra loại cây khả dĩ có

thể chống chọi được sóng gió. Con người sinh ra ở đây cũng vậy.”

[Anh Đức (2009), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr306. (in lần đầu năm 1970).]

### 2.2.3. Làm định ngữ

#### 2.2.3.1. Về khả năng kết hợp từ

Khi làm định ngữ, thành ngữ thường bộc lộ các khả năng:

\* danh từ + thành ngữ:

“- Gã ngồi giữa trời **nắng như thiêu** ngáp ngán ngáp dài một lúc rồi đứng dậy, xỏ chiếc chân giả vào, mặc thêm chiếc quần bằng dạ đen ống loe cắt rất khéo.”

[Nguyễn Minh Châu (1977), *Nguyễn Minh Châu toàn tập*, tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội, tr300.]

“- Ông Tám Phi trả tiền công cho Thủ Nghĩa và nói: tôi nay già cả không làm nghề chài lưới **dầm sương trải nắng** nữa.”

[Hò Biểu Chánh (2005), *Chúa tàu Kim Quy*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr64.]

“Bà Tám hào hứng:

- Cháu giỏi quá! Bọn mày **làm mưa làm gió** ở đây bao nhiêu năm nay mà không ai đàn mặt được chúng, kể cả cảnh sát. Thế mà cháu trị được, thiệt đã quá.”

[Hoàng Dữ (2009), *Đường đời*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr128.]

“- Ông chớp mắt chút đi, gần sáng rồi.

- Thức cho tròn đêm nay vậy. Ta còn pháp phởng, liệu chúa công có **nắng sớm mưa chiều** như mọi lần trước đây? Ngày mai Người có duyệt thu dự hàng và cho gửi đi ngay hay là bàn kế khác.

- Theo ông thì đó là kế gì?”

[Nguyễn Quang Thân (2009), *Hội thề*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr198.]

“- Đêm đã khuya. Trời vẫn *mưa như rắc bột*. Những đám lửa đã tàn dần. Các chiến sĩ đã nằm yên trong mấy cái lán. Gió bắc rền rĩ từng hồi dài trong bóng tối.”

[Nguyễn Đình Thi (2013), *Truyện*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr568.]

#### 2.2.3.2. Về vị trí

Vì làm định ngữ cho danh từ nên các thành ngữ luôn đi sau danh từ trung tâm, làm thành phần phụ sau trong cụm danh từ. Trong câu, khi làm định ngữ, vị trí của thành ngữ có đa dạng, phức tạp hơn nhiều. Vị trí này được quyết định bởi vị trí của các cụm danh từ trong câu. Kết quả khảo sát cho thấy các cụm danh từ chứa thành ngữ có thể làm các thành phần trong câu nên vị trí của nó cũng rất đa dạng. Nó có thể đứng đầu câu, đứng giữa hoặc cuối câu.

#### 2.2.4. Làm bổ ngữ

Các thành ngữ chỉ “mưa, gió, nắng” tham gia làm bổ ngữ cho danh từ mà nó đi kèm.

##### 2.2.4.1. Về khả năng kết hợp

Làm bổ ngữ cho danh từ, có nghĩa là thành ngữ có mặt làm thành một cụm danh từ mới. Khi đảm nhiệm vai trò làm bổ ngữ cho danh từ, thành ngữ có thể kết hợp với danh từ ở phía trước (*danh từ + thành ngữ*) hoặc phía sau (*thành ngữ + danh từ*), có thể có hoặc không có thành tố phụ đi sau.

\*danh từ + thành ngữ:

“Trong bữa cơm, Đông có nói tới gã trưởng phòng nọ với lời đe dọa: nó *gây gió nó phải chịu bão*. Luật giạt mình thấy mắt Đông lúc ấy mắt hét thàn sắc.”

[Ma Văn Kháng (2011), *Mùa lá rụng trong vườn*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr292.]

“Hai người bước chậm rãi bên cạnh nhau. Hùng chú ý một điều, ông xã không mang khí giới... gương mặt cau có chứng tỏ ông ta **ghen bóng ghen gió** chứ chưa nắm được bằng chứng nào cụ thể.”

[Sơn Nam (2009), *Hương rừng Cà Mau*, tập 2, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr253.]

“Nếu có chuyện gì không hay xảy ra cho em thì anh cũng đừng ngạc nhiên. Nhân nào quả ấy, em **gieo gió thì phải gặt bão.**”

[Hồ Anh Thái (2009), *Cõi người rung chuông tận thế*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr179].

“- Những” người con gái tươi cười như bông hoa, ở nơi phồn hoa đến rồi lại đi bỗng dưng làm cho Hiền chạnh nghĩ về đời người con gái **như hạt mưa sa**, giờ còn ở nhà, đến khi lấy chồng lại đi những đâu, vào cửa nhà ai, làm sao biết trước được.”

[Tô Hoài (2006), *Mười năm*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr183.]

“- Kể ra thì có thể không hợp với cậu đấy nhưng nó ngoan, chịu thương chịu khó. Mình đi vắng, bố mẹ già lúc **trái nắng trở gười**, không có cô ấy ai chăm nom đỡ đần các cụ. Các anh chị em ai cũng có phận có phần cả rồi. Im lặng. Anh còn hé cho Sài biết nhận xét của địa phương rất tốt. Gia đình vợ có hơi phức tạp, nhưng người ta xác nhận Sài không có liên quan và chịu ảnh hưởng kinh tế, chính trị”

[Lê Lựu (2011), *Thời xa vắng*, Nxb Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, tr139.]

“- Có những “ông xã” đi ô tô, những “bà xã” mặc quần soóc đánh cầu lông, mặt trát phấn son lòe loẹt,, trong khi bà con nông dân vẫn **một nắng**

**hai sương** làm lụng cật lực ngày đêm, mà giá trị ngày công chỉ bằng một que kem.”

[Lê Lựu (2011), *Ở quê ngày ấy*, Nxb Thời đại, Hà Nội, tr10.]

“- Lời của hòa thượng Thích Vô Úy dạy An khi vừa vào chùa: “Cho nên ăn miếng cơm ta cũng cần niệm hồng danh đức Phật, rồi cảm ơn những nhà nông đã **một nắng hai sương** vất vả làm ra hạt gạo.”

[Nguyễn Xuân Khánh (2010), *Đội gạo lên chùa*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr73.]

“Hà Nội quá là nhỏ bé. Quanh đi quẩn lại rồi thế nào cũng có ngày đụng mặt người quen ở mấy quán café vỉa hè như thế này. Người quen ở đây là Vinh, gã bạn trai cũ của Đan. Nàng chưa bao giờ khoái tên tóc dài ấy, kể cả khi ban nhạc của hắn **làm mưa làm gió** trong hội diễn văn nghệ trường nàng.”

[Trần Thu Trang (2008), *Phải lấy người như anh*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr9.]

“Ông Thập trở thành người bị bắt buộc phải làm ngơ cho ông La **làm mưa làm gió**.”

[Bùi Thanh Minh (2009), *Truyện ngắn chọn lọc*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, tr146.]

\* thành ngữ + danh từ:

“Chẳng hạn một lao động chính làm quần quật **hai sương một nắng** từ sáng sớm đến tối muộn mặt người bình quân giá trị ngày công chỉ mua được bốn phần mười que kem, nghĩa là đi cày bừa, quốc đất rông rã hai ngày trời mới được một que kem.”

[Lê Lựu (2003), *Chuyện làng cuội*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr391]

“- Vào mùa **mưa dầm gió bắc** thì mẹ tôi thật khổ. Mưa mùa hè tuy đi

kèm giông gió và nước trên trời như trút xuống nhưng nhanh tạnh.”

[Nguyễn Đình Tú (2010), *Kín*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr275.]

“- Và đời người liệu có chi là vĩnh cửu? Hay cũng chỉ hơn một đoá phù dung ở khoảng cách sáng - chiều được thay bằng năm tháng? Mà vài mươi năm so với khoảng cách triệu triệu năm của tạo thế thì cũng như là chớp mắt thôi. Ấy là chưa kể đến cảnh **mưa đập gió vùi** mà đời người ai tránh khỏi...”

[Nguyễn Khắc Phê (2011), *Biết đâu địa ngục thiên đường*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr395.]

“- Trời cứ mưa, **mưa như cầm chĩnh mà đổ**, mưa như một oanh tạc cơ định về căn cứ, đổ rốc hết bao nhiêu bom còn sót lại trên tàu...”

[Bình Nguyên Lộc (2012), *Truyện ngắn Bình Nguyên Lộc*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr54.]

“- Cũng may thời thế chuyển vần. Lí tưởng Vũ Đình Đại chưa kịp ăn lộc thì cách mạng đến. **Gió nổi can qua**, Vũ Đình Đại bán vội con ngựa vừa mua, mới nhong nhong được dăm lần lên phủ, chưa kịp ngắm cái sừng của anh đầu gà hơn đít voi thì đã bán ngựa tậu trâu để trở lại làm anh dân thường. Trịnh Bá Hoành mở chó ăn mừng.”

[Nguyễn Khắc Trường (2002), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr85.]

“Trong cuộc chiến đấu, mỗi người một tí, thêm à **góp gió thành bão**, ta đã tìm ra những cách đánh của ta, lấy ít mà chọi được với nhiều, lấy yếu mà đánh lại được với mạnh, lấy sự gan dạ và mưu trí khôn ngoan, cẩn thận, khéo léo làm chỗ mạnh nhất của mình để thắng kẻ xâm lược to lớn hơn ta gấp nhiều lần.”

[Nguyễn Đình Thi (2013), *Truyện*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr471.]



“- Những *tai bay vạ gió* tôi tự chuộc lấy vào thân dày và nhiều đến nỗi có thể nói đây là một thứ biệt tài, một năng khiếu bẩm sinh, có xuất xứ từ từ vi của tôi.”

[Bảo Ninh (2011), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr376.]

“- Kinh sợ quá là *tai bay vạ gió* đầu đời con gái và nỗi bẽ bàng sợ hãi đeo đẳng của con chim đã đậu phải cành cây cong.”

[Ma Văn Kháng (2011), *Một nhan sắc đàn bà*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr170.]

“- Bác sĩ mĩa mai:

- *Thuận buồm xuôi gió* chén chú chén anh. Lên thác xuống ghềnh buổi anh dái chú.”

[Bùi Ngọc Tấn (2010), *Biển và chim bói cá*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr269.]

“- Coi trâu tuy không cực, song *dang nắng dầm mưa*, tối ngày ngoài đồng”.

[Hò Biểu Chánh (2002), *Cha con nghĩa nặng*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr23.]

#### 2.2.4.2. Về vị trí

Trong phạm vi cụm danh từ, đóng vai trò làm bổ ngữ cho danh từ, thành ngữ có thể đứng trước hoặc đứng sau danh từ trung tâm. Trong phạm vi của một câu, vị trí của thành ngữ có phần linh hoạt hơn. Vị trí này do vị trí của cụm danh từ trong câu quy định. Tuy nhiên nhìn một cách tổng thể, vị trí thường xuyên nhất của thành ngữ cũng như cụm danh từ chứa chúng thường là cuối câu.

### 2.3. Tiểu kết

Qua nghiên cứu, chúng tôi rút ra các kết luận sau đây về đặc điểm của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trên bình diện ngữ pháp.

**Về cấu tạo:** Nhìn chung, các thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” có cấu tạo rất phong phú, đa dạng. Có thể quy về một số mô hình cấu tạo nhất định cho mỗi loại.

*Thành ngữ đối:* Có 2 kiểu cấu tạo, *thành ngữ so sánh:* có 3 kiểu cấu tạo, *thành ngữ thường:* Có 4 kiểu cấu tạo.

Một đặc điểm khái quát là các thành ngữ có cấu tạo là cụm từ chỉ gồm hai thành tố: thành tố chính và thành tố phụ.

Do đối tượng nghiên cứu của luận văn là thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” nên các kiểu khái quát được cho thấy đa phần các thành ngữ chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” được cấu tạo là các cụm danh từ. Các kiểu cấu tạo khác còn lại có số lượng ít hơn.

#### **Về chức năng ngữ pháp:**

Khi đi vào hành chức, các thành ngữ này tham gia đảm nhiệm gần như tất cả các chức năng ngữ pháp trong câu: tham gia làm thành phần chính: chủ ngữ, vị ngữ; tham gia làm các thành phần phụ: định ngữ, bổ ngữ.

#### **Về vị trí, khả năng kết hợp:**

Khi *làm vị ngữ*, thành ngữ chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” có thể đứng độc lập hoặc cũng có thể kết hợp với các yếu tố khác làm vị ngữ. Trong trường hợp kết hợp với các yếu tố khác thành ngữ đóng vai trò như danh từ trung tâm của cụm danh từ.

Khi *làm chủ ngữ*, các thành ngữ chỉ các hiện tượng tự nhiên “mưa, gió, nắng” có thể đứng độc lập.

Khi *làm định ngữ*, thành ngữ đứng sau danh từ trung tâm. Các mô hình kết hợp các cụm danh từ chứa thành ngữ hết sức đa dạng Vị trí của thành ngữ trong câu khi làm định ngữ khá linh hoạt, có thể đứng đầu, đứng đứng giữa hoặc cuối câu, tùy vào vị trí của danh từ chứa thành ngữ.

Khi *làm bổ ngữ*, thành ngữ có thể đứng trước hoặc sau danh từ trung tâm, bổ ngữ cho danh từ đó. Vị trí của thành ngữ trong câu phụ thuộc vào cấu tạo cụm danh từ nó tham gia cấu tạo cũng như chức năng ngữ pháp mà cụm từ đó đảm nhiệm trong câu.

Có thể nói, những đặc điểm ngữ pháp này có ảnh hưởng không nhỏ đến phương diện ngữ nghĩa và ngữ dụng mà các thành ngữ này biểu đạt. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu hai bình diện này và mối quan hệ giữa các bình diện trong chương 3.

### Chương 3

#### THÀNH NGỮ CÓ THÀNH TỐ CHỈ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN “NẮNG, MƯA, GIÓ” TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ NGHĨA, NGỮ DỤNG

Trong chương này, chúng tôi sẽ tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trên bình diện nghĩa học và dụng học với các nội dung cụ thể sau:

Một là, tìm hiểu ngữ nghĩa của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” (Nghĩa biểu trưng và nghĩa tình thái).

Hai là, tìm hiểu bình diện ngữ dụng của thành ngữ.

Sở dĩ chúng tôi lồng ghép hai bình diện này trong nhau vì hai bình diện này có mối quan hệ chặt chẽ, khăng khít với nhau.

#### **3.1. Bình diện ngữ nghĩa của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió”**

##### **3.1.1. Nghĩa biểu trưng**

Nghĩa bóng - nghĩa biểu trưng theo Nguyễn Như Ý trong *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, là nghĩa phái sinh, nghĩa thứ yếu của từ, bắt nguồn từ một nghĩa đen hoặc một nghĩa bóng khác nhờ kết quả của việc sử dụng từ có ý thức trong lời nói khác để biểu thị sự vật, không phải là quy chiếu tự nhiên, thường xuyên. Một từ có được nghĩa bóng khi nó định danh được sự vật không phải trực tiếp mà là qua một sự vật khác theo phép ẩn dụ, hoán dụ hay cải dung. Như vậy, nghĩa bóng là nghĩa có căn cứ, có tính lí do [XXX,144]. Theo Nguyễn Thiện Giáp (2008) trong công trình *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội thì “thực chất nghĩa bóng cũng có một loại nghĩa chuyển: nghĩa bóng biểu thị sự vật gián tiếp thông qua nghĩa đen. Tuy nhiên không phải tất cả các nghĩa chuyển tiếp đều là nghĩa bóng. Những nghĩa chuyển tiếp đã mất tính hình tượng tạo ra các nghĩa đen của từ chứ không phải là nghĩa bóng”[tr.263]. Theo Bùi Khắc Việt trong bài

viết *Về tính biểu trưng của thành ngữ trong tiếng Việt (1978)* thì “Muốn xác định nghĩa biểu trưng thì phải xem xét mối quan hệ giữa sự vật và hình ảnh với ý nghĩa biểu trưng trong thành ngữ”, và tác giả chia nghĩa biểu trưng của thành ngữ làm hai loại: Thành ngữ biểu trưng hóa toàn bộ và thành ngữ biểu trưng hóa bộ phận. Như vậy, quá trình liên tưởng dẫn đến các nghĩa bóng, nghĩa chuyển thông qua các phương thức ẩn dụ, hoán dụ, cải dung cũng là quá trình hình thành nghĩa biểu trưng. Còn theo tác giả Hoàng Văn Hành “Nghĩa của thành ngữ tiếng Việt thường là kết quả của hai hình thái biểu trưng hóa so sánh và ẩn dụ” [VIII, tr.99]. Như vậy nghĩa biểu trưng của thành ngữ là toàn bộ ý nghĩa, ý niệm khái quát suy ra từ hình ảnh hặc sự vật, sự việc cụ thể được miêu tả, gọi tên trong thành ngữ. Nội dung của thành ngữ là sự thống nhất của hai ý nghĩa: nghĩa đen, nghĩa gốc và nghĩa bóng, nghĩa biểu trưng. Muốn lí giải nghĩa biểu trưng phải xuất phát từ nghĩa gốc ban đầu. Ngược lại, nghĩa gốc là cơ sở tạo nên các liên tưởng, tạo thành nghĩa biểu trưng.

Xuất phát từ nghĩa biểu trưng của thành ngữ, chúng tôi thấy thành ngữ biến đổi ý nghĩa. Dạng thành ngữ biến đổi về ý nghĩa trong sử dụng được thể hiện qua cách dùng gắn với ngữ cảnh cụ thể, gắn với đích có dụng ý của tác giả khá rõ. Điều này luôn được thể hiện trong mỗi tác phẩm của mỗi nhà văn.

Ví dụ: Trong tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh*, Bảo Ninh viết:

“Đáng lẽ phải đi B dài và sâu trong B2 nhưng tiểu đoàn đã cạn sức chiến đấu phải phân tán ra làm quân bổ sung cho mặt trận đường 9. Máy chục con người được tung vào con lộ lửa ấy thật là như **gió lửa nhà trống...** Mãi đến hòa bình trên chuyến tàu thống nhất trở ra Bắc, Kiên mới thấy hết số phận của tiểu đoàn 36 nhờ tình cờ cùng toa với Huy, tiểu đội phó của anh hồi tân binh.”

[Bảo Ninh (2011), *Nỗi buồn chiến tranh*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr216.]

Thành ngữ *gió lùa nhà trống*, theo Nguyễn Như Ý, có nghĩa: Tiền của tiêu tán không giữ được bao lâu, bao nhiêu cũng hết cũng không đủ. Nhưng trong ví dụ trên, thành ngữ này đã mang nghĩa mới, đó là: Rất nhiều người chiến sĩ trẻ trên đường hành quân đã ngã xuống khi đi qua con lộ (đường) tuyến lửa duy nhất chạy vào nam (với thái độ đau xót, thương cảm).

Mỗi thành ngữ nói chung và thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” nói riêng đều có cấu trúc tương đương với từ hoặc cụm từ tiếng Việt. Chúng tôi chọn phương pháp so sánh, đối chiếu giữa thành ngữ với từ/cụm từ có nghĩa tương đương để thấy được giá trị ngữ nghĩa của thành ngữ trong hệ thống vốn từ ngữ cũng như trong sử dụng.

Vì số lượng thành ngữ khảo sát nhiều nên chúng tôi tự khuôn định giới hạn so sánh những thành ngữ có chứa thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió”.

Có thể nói *nắng, mưa, gió*, là những hình ảnh và trạng thái thời tiết quen thuộc không những trong đời sống mà cả trong nghệ thuật và văn học.

Từ nghìn năm qua, những nghệ sĩ dân gian vẫn mượn những hình ảnh và trạng thái của thời tiết để gửi gắm lòng mình để bày tỏ tâm sự, nỗi niềm của mình.

### **3.1.1.1. Ý nghĩa biểu trưng của thành ngữ có từ chỉ “mưa”**

Với những thành ngữ có vần có điệu, duyên dáng, sinh động, dễ nhớ, cha ông ta đã gửi gắm tình cảm gắn bó, hòa mình với thiên nhiên, đồng thời áp ủ khát vọng chinh phục, cải tạo thiên nhiên, đó là những cách nghĩ, nếp sinh hoạt, lao động sản xuất của người dân nông nghiệp. Người Việt xưa luôn có ý thức về việc đúc rút, gìn giữ, lưu truyền những kinh nghiệm quý báu cho các thế hệ nối tiếp.

- Ý nghĩa biểu trưng cho sự khó khăn trong cuộc sống:

Thành ngữ diễn tả đời sống tư tưởng, tình cảm muôn màu muôn vẻ của người lao động. Con người lao động Việt Nam chịu nhiều nỗi đắng cay, tủi cực. Thành ngữ có thành tố chỉ “mưa” thường được xuất hiện để chỉ những khó khăn, cơ cực trong cuộc sống: *Mưa dạt gió vùi, mưa bão chết cò, mưa dầm nắng dội, dãi gió dầm mưa,...*

Ví dụ:

“- Và đời người liệu có chi là vĩnh cửu? Hay cũng chỉ hơn một đóa phù dung ở khoảng cách sáng - chiều được thay bằng năm tháng? Mà vài mươi năm so với khoảng cách triệu triệu năm của tạo thế thì cũng như là chớp mắt thôi. Ấy là chưa kể đến cảnh *mưa dạt gió vùi* mà đời người ai tránh khỏi...”

[Nguyễn Khắc Phê (2011), *Biết đâu địa ngục thiên đường*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr395.]

“Đời bộ đội của chúng tôi đã bước những bước đi đầu tiên trong các cánh rừng căn cõi vùng Bãi Nai. Ba tháng trời *dãi gió dầm mưa* trên thao trường đã giúp chúng tôi gột sạch mọi tàn tích của nếp sống thị thành và trụ vững bản thân mình vào đội ngũ”.

[Bảo Ninh (2011), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr62.]

“- Rồi dần dần thấy tôi chữ nghĩa giỏi giang, lí số thông thạo, kinh kệ thuộc nhiều và tu hành hết sức khổ hạnh, đối đãi với mọi người thực hòa nhã, nên khách thập phương dang cúng rất nhiều. Từ ngày ấy không phải *dầm mưa dãi gió*, nay làng này mai làng khác, sự sống nhà hạ đầy đủ hơn trước bội phần.”

[Nguyễn Hồng (1983), *Nguyễn Hồng toàn tập*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội, tr112.]

“- Ảnh **dầm mưa dãi nắng** cực khổ hết sức, mà cũng không ăn xài chi hết”

[Hồ Biểu Chánh (2005), *Đóa hoa tàn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr44.]

“- Suốt mất tháng dòng **dầm mưa dãi nắng** khảo sát thu thập tài liệu địa chất, thủy văn, dân cư, nguồn nguyên liệu, khả năng khai thác, Vinh đã rút ra kết luận là nhà máy không nên xây dựng vì sản xuất không hiệu quả”.

[Nguyễn Khắc Phê (2008), *Những ngọn lửa xanh*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr130]

“- Ba tôi không cho tôi **dầm mưa dãi nắng** suốt ngày ngoài đồng để mót lúa hay bắt các cặn, móc củ co, nhổ năng, nhổ lá họ bông súng đem về cho chị tôi bung đi chợ bán kèm với lá chuối khô, rau má, rau búp ngót, ra mồng toi của chị nữa.”

[Trang Thế Hy (2011), *Vết thương thứ 13*, Nxb Trẻ, Hà Nội, tr64.]

“- Kinh Chi da đen nám, ngó thoáng qua thì biết người **dầm mưa dãi nắng**, lao lực cực thân rất nhiều.”

[Hồ Biểu Chánh (2005), *Chúa tàu Kim Quy*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr157.]

Nói tóm lại, ý nghĩa biểu trưng của thành ngữ chỉ *mưa* cũng được dùng để thể hiện cho sự nguy hiểm, rủi ro, đe dọa trong cuộc sống xưa nay.

- Ý nghĩa biểu trưng cho sự đòi hỏi của con người:

Thành ngữ dựa trên nền văn hóa của Việt Nam, chúng được biết đến và sử dụng một cách rộng rãi và phổ biến trong các cuộc nói chuyện hàng ngày. Thành ngữ có thành tố chỉ mưa (trong kết hợp mây mưa) thể hiện tâm tư tình cảm của con người như đòi hỏi chung chạ về xác thịt : *Ép nài mây mưa, mây mưa đánh đổ đá vàng.*



Ví dụ:

“Cũng là lỡ một, lầm hai  
Đá vàng sao nữ *ép nài mưa mây!*”

[Nguyễn Du, *Truyện Kiều*]

“Kim Trọng đang trong lứa tuổi thanh niên bông bột, không ra ngoài thói “nam nữ thường tình”.

Trong đêm thanh vắng, gió mát trăng trong, được cận kề người yêu đẹp mặn mà tuổi vừa đôi tám, chàng trai hai mươi nào chẳng bị dục tình cám dỗ? Còn Kiều thì tuy cũng ở trong cùng một cảnh trí thơ mộng của lần hò hẹn đầu tiên, tỏ ra khôn ngoan, nhiều lý trí hơn chàng Kim. Khi thấy người yêu bắt đầu tò ý lả lơi, nàng bèn ngăn lại rằng :

Thưa rằng đừng lấy làm chơi  
Để cho thừa hết một lời đã nao  
Vẽ chi một đoá yêu đào  
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh  
Đã cho vào bậc bố kinh  
Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu  
Ra tuồng trên Bộc nông dâu  
Thì con người ấy ai cầu làm chi  
...Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay  
Lứa đôi ai lại đẹp tà Thôi, Trương  
*Mây mưa đánh đổ đá vàng*  
Quá chiều nên đã chán chường yếm anh...”

[<http://www.bienkhai.com/so-19/nguyen-du.htm>]

### 3.1.1.2. Ý nghĩa biểu trưng của từ chỉ “gió” trong thành ngữ

Nói về hình tượng gió trong văn học dân gian Việt Nam nói chung và thành ngữ Việt Nam nói riêng, các nhà phê bình văn học thường cho rằng gió là sự va chạm, giằng dũa của các nguyên tố chống chọi nhau, là dòng xoáy của các lực bóng tối và ánh sáng, thu hút mọi sự sống vào vòng tuần hoàn kỳ lạ của nó.

“Gió” ngoài ý nghĩa biểu trưng đúc kết kinh nghiệm của ông cha ta về mặt thời tiết, biểu trưng này còn góp phần thể hiện những triết lý nhân sinh sâu sắc.

“Gió” là nguồn năng lượng vô tận và sức gió là đặc điểm được khai thác nhiều để tạo nghĩa biểu trưng. Người có thực tài mới có thể trụ vững trước “*đầu gió*”; người vững vàng, tự tin mới có thể vượt qua những biến động, khó khăn của cuộc đời.

Ví dụ:

“Kháng chiến lần thứ hai, Đông luôn có mặt ở những nơi *đầu sóng ngọn gió*.”

[Ma Văn Kháng (2011), *Mùa lá rụng trong vườn*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr111.]

“Vả chẳng có cây đước nào đứng riêng lẻ đâu? Nó đứng cạnh nhau, che chở cho nhau. Chỗ đứng *đầu sóng ngọn gió* sản sinh ra loại cây khả dĩ có thể chống chọi được sóng gió. Con người sinh ra ở đây cũng vậy.”

[Anh Đức (2009), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr306. (in lần đầu năm 1970).]

“Gió” cũng được dùng để thể hiện ý nghĩa biểu trưng điều xấu, cái ác mà con người gây ra và cuối cùng không thoát khỏi quy luật trong cuộc sống xưa nay: *gieo gió gặt bão*...

“Nếu có chuyện gì không hay xảy ra cho em thì anh cũng đừng ngạc nhiên. Nhân nào quả ấy, em **gieo gió thì phải gặt bão.**”

[Hồ Anh Thái (2009), *Cõi người rung chuông tận thế*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr179.]

“Trong bữa cơm, Đông có nói tới gã trưởng phòng nợ với lời đe dọa: nó **gây gió nó phải chịu bão.** Luật giạt mình thấy mắt Đông lúc ấy mất hết thần sắc.”

[Ma Văn Kháng (2011), *Mùa lá rụng trong vườn*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr292.]

Trong quan hệ xã hội và cả trong gia đình, nêu phê phán, chỉ trích nặng nề quá mức có thể dẫn đến hậu quả xấu. Người bị phê phán không những không tiếp thu mà ngược lại nảy sinh sự oán ghét. “*Gió*” có sức mạnh nhưng lại vô ảnh, tàng hình. Sự hiện hữu của chúng chỉ thấy được qua đối tượng bị tác động như: lá cây rì rào, sóng gợn lăn tăn,... cảm chú không thấy; nhận biết mà chẳng thể nắm bắt. Đặc tính hữu động nhưng vô hình này được dùng biểu trưng cho nét nghĩa không chắc chắn; chẳng đáng tin, có như không hoặc “đánh trống bỏ dùi” trong hành động, lời nói, tính cách. Chẳng hạn như thành ngữ: *gió nhưng cạnh lòng mây*.

Ngoài ra, gió biểu hiện sự việc, thời tiết, địa điểm, cách nói năng, đi lại, sự ghen tuông vu vơ: *gió kếp mưa đơn, dày gió dạn sương, ăn sóng nói gió, đi mây về gió, ghen bóng ghen gió, ăn gió nằm sương, nói bóng nói gió, đèo heo hút gió, ngọn đèn trước gió, cả gió tắt đuốc,...*

Ví dụ:

“- Nhưng người ta vẫn cứ nói ra nói vào, **nói bóng nói gió** không ngớt. Mẹ Mãi rất khổ tâm.”

[Nguyễn Công Hoan (2004), *Đống rác cũ*, tập 2, Nxb Văn học,  
Hà Nội, tr251.]

“- Đám đàn bà chốc chốc lại quay lại, nói xa nói gần, **nói bóng nói gió** làm như “hai con yêu tinh người thành phố” sắp bỏ bùa mê thuốc lú để nay mai bắt cóc mất cái anh bí thư của họ đi không bằng.”

[Nguyễn Minh Châu (1977), *Nguyễn Minh Châu toàn tập*, tập 2, Nxb  
Văn học, Hà Nội, tr1053.]

“- May thay chưa lần nào cặp rằng Hực bắt gặp quả tang, thẳng Cung  
nghĩ thâm:

- Bất quá ông ta **nói bóng nói gió**, mắng chớ mắng mèo. Nếu muốn  
hành hung hoặc bắt bớ, ông ta đã hành động kiểu khác.”

[Sơn Nam (2009), *Hương rừng Cà Mau*, tập 3, Nxb Trẻ, thành phố Hồ  
Chí Minh, tr303.]

“- Lâu lâu mới có thư về. Nhưng bà không gửi thư đi. Bút đàm chỉ có  
thể biểu lộ được cơn giận nếu như hai đối tượng cùng ở chung một nhà. Bây  
giờ bà bút đàm như nói vông sang tận Châu Âu, châu Mỹ. **Lời nói gió tạt**”

[Dương Thụy (2011), *Bồ câu chung mái vòm*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ  
Chí Minh, tr181.]

“Ông Thích chỉ tay vào hai cái lồng bị giẫm bẹp:

- Ông nhớ đấy nhé Đùng có **lời nói gió bay!**

Một bà nói.

- Bà không tin thì tôi cũng chịu thôi.” (Nghĩa 2)

[Đỗ Minh Tuấn (2011), *Thần thánh và bướm bướm*, Nxb Hội Văn học,  
Hà Nội, tr394.]

“Tuyệt đối không để lại văn bản. Văn bản có thể lưu trữ làm bằng  
chứng, đề dùng lời. **Lời hứa gió bay**. Thời nay có ghi âm, lại ghi âm rộn lên,

là vật chứng khó thuyết phục. Tóm lại là không để lại văn bản cho lịch sử dùng làm bằng chứng.”

[Hồ Anh Thái (2011), *SBC là sản bắt chuột*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr194.]

“*Lời hứa gió bay*, nhưng lại có những lời nói như đóng dấu chín vào trí não mọi người.” (Nghĩa 3)

[Nguyễn Khắc Trường (2002), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr24.]

“- Cả làng rè biu, *chửi bóng chửi gió*, thấy mặt chị ấy đâu là gọi con chó hoang”

[Y Ban (2007), *I am đàn bà*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr27.]

“Nhưng để lần sau lại có thể đến với Diệu Nương, nói chung chẳng ai dại gì làm cô mất hi vọng, người ta cứ hứa, hứa đại. *Lời hứa gió bay*.”

[Bảo Ninh (2011), *Tác phẩm chọn lọc*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr76.]

“Cô sang Pháp mà chẳng cần *lời hứa gió bay* ngày nào của chị “Ráng học giỏi, mai một chị bảo lãnh cho bé qua Thụy Sĩ du học nha!” Vi qua đã 6 tháng mà Trinh vẫn chưa thu xếp sang Pháp thăm cô, chị nói chị bận lo cho con bé Ni đi học.”

[Dương Thụy (2011), *Bồ câu chung mái vòm*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr176.]

“Nhưng đời cán bộ, thiết nghĩ, nghèo thì ráng chịu, phải đâu ông to bà lớn, phải đâu thánh thần gì, ăn trên ngồi trốc ai mà háo sụ lên xe xuống ngựa hay là *đi mây về gió*? Bọn chen tốc độ cùng người sẽ chỉ sớm brou đầu sứt trán.”

[Bảo Ninh (2011), *Tác phẩm chọn lọc*, tập 2, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr437.]

“- Anh biết, rồi em chỉ thích tặng áo tắm hai mảnh thôi - Fernando nói con **ghen bóng ghen gió** - Mà người tặng phải tự tay úm lên người em kìa! Kim không đáp, Fernando buồn bã quay lưng trở về: “Thôi em làm bài tiếp đi!”

[Dương Thụy (2011), *Oxford yêu thương*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr114.]

Sự đa dạng và phong phú của thế giới hình ảnh biểu trưng trong thành ngữ so sánh tiếng Việt là tấm gương phản ánh đặc điểm địa lí, đặc điểm thiên nhiên và đặc điểm đời sống sinh hoạt lao động sản xuất cũng như đặc điểm văn hoá của dân tộc Việt Nam. Đó là những hình ảnh rất quen thuộc nhưng rất tiêu biểu và đặc trưng cho đất nước ta thuộc vùng khí hậu nhiệt đới. Chính đặc điểm địa lí, đặc điểm thiên nhiên và khí hậu này đã ảnh hưởng rõ rệt và chi phối cuộc sống, chi phối hoạt động lao động sản xuất, chi phối nhận thức của người Việt, được người Việt phản ánh, gọi tên các sự vật, hiện tượng qua các từ ngữ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. Các sự vật, hiện tượng, đối tượng được đem ra so sánh trong thành ngữ so sánh tiếng Việt đã cho thấy rõ điều này. Nước ta là một đất nước có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm với nhiều mưa bão, sấm chớp, nắng gió: *nhanh như gió, như điều gặp gió*.

Ví dụ:

“- Mày phải có bản lĩnh đàn ông chứ. Tại mày mà chị Kì bị kỉ luật à? Không phải thế đâu. Tại chị Kì mày là đàn bà con gái mà lại mang khí tiết đàn ông quân tử. Yên tâm đi, chẳng mấy mà chị ấy lại lên **như điều gặp gió**. Vì số mạng của chị ấy là người đi tiên phong của thời đại.”

[Võ Thị Xuân Hà (2006), *Tường thành*, Nxb Văn hóa, Sài Gòn, tr197.]

“Gió” là một hiện tượng tự nhiên, tồn tại một cách khách quan nên

gió còn được biểu trưng cho thời thế hay là lời khuyên khi bắt tay làm việc gì cũng cần phải cân nhắc thật hơn, lựa chọn cách giải quyết đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh, biết tận dụng thời cơ thì công việc mới thành công.

Ví dụ:

“Vả chẳng mợ cũng không hơn gì một người cô độc, chẳng có một ai thân thiết bạn bè mà hòng thổ lộ can tràng những lúc *gió sớm mưa chiều*, những khi đèn tàn canh vắng, thì con bảo đối với người lui tới nhà mình trông nom hai đứa trẻ mồ côi như tình bố với con, săn sóc đến mình, khuyên răn trò chuyện với mình thiết tha nào ruột hơn một cặp vợ chồng mới cưới, đối với người mình cũng thương yêu mà mình đã phụ, mà bây giờ mình chỉ mong cho được hoàn toàn sung sướng để hòng chuộc lại lỗi xưa thì cái lẽ sợ miệng thế cười chê chẳng thể nào ngăn nổi hai ngọn trào lòng cho được, con có bắt mợ phải chết thì mợ cũng đành chớ bảo tuyệt tình với chàng, mợ chẳng có gan.”

[Vũ Trọng Phụng (2010), *Tuyển tập tác phẩm Nam Cao*, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nxb Văn học, Hà Nội, tr533.]

### 3.1.1.3. Ý nghĩa biểu trưng của từ chỉ “nắng” trong thành ngữ

Trong nghĩa biểu trưng của nắng thì nắng không còn nghĩa là ánh sáng trực tiếp từ mặt trời chiếu xuống. Nó có thể diễn tả những gian truân, vất vả của con người do phải đi đường hay làm việc ngoài trời trong một thời gian dài, để nói lên công việc làm lụng vất vả chịu đựng: *chín nắng mười mưa, một nắng hai sương, nắng dãi dầm mưa, năm nắng mười mưa, nắng không ưa mưa không chịu, nắng lâu gặp trận mưa rào...*

Ví dụ:

“Ông lội trong ruộng, ở trong rừng, *dãi nắng dầm mưa*, cực nhọc đáo đê”.

[Hồ Biểu Chánh (2005), *Đóa hoa tàn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr98.]

“Fernando trêu:

- Tụi nó đâu có biết em cũng “ghê gớm” lắm mới xin được học bổng qua đây phải không? Không những em có dáng vẻ trẻ con, thái độ và tính tình của em cũng *sáng nắng chiều mưa* y như một cô bé đang tuổi dậy thì!”

[Dương Thụy (2011), *Oxford yêu thương*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr106.]

“- Những khi vui chuyện, người thường kể lại với chúng tôi rằng: ngày xưa, khi ông thua bạc bỏ nhà đi, người còn phải trả hơn năm đồng bạc nợ. Người làm lụng vất vả; chiều hôm ban mai, *một nắng hai sương*, quanh năm chẳng có phút nghỉ ngơi, mà không bao giờ đủ tiền nộp lãi.” (Nghĩa 2)

[Nam Cao (1999), *Nam Cao toàn tập*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội, tr174.]

Thành ngữ tiếng Việt” của Nguyễn Lực, Lương Văn Đang giải thích thành ngữ *một nắng hai sương* là “sự chịu đựng gian khổ từ sáng sớm đến chiều tối”. Theo cách giải thích này, một số người đã luận giải thành ngữ này một cách sai lầm rằng, một nắng là ánh nắng suốt một ngày, còn hai sương là sương tối và sương sáng. Và, một nắng hai sương là làm lụng vất vả, nắng nôi suốt một ngày trời! Hình như ở thành ngữ *một nắng hai sương* không có sự hạn định thời gian một cách cụ thể (từ sáng đến tối).

Ngoài ra nghĩa biểu trưng của từ chỉ “nắng” trong thành ngữ còn biểu hiện chuyển thời tiết, rất khắc nghiệt, tính nét con người, bệnh tật, ốm đau thất thường:

Ví dụ:

“- Lời trần thuật của An: Câu hỏi thì tôi chưa hiểu, nhưng vết thương nơi đầu gối thầy thì tôi biết. Nó đã hành hạ thầy tôi rất nhiều, khi *trái nắng trở gười*.”



[Nguyễn Xuân Khánh (2010), *Đội gạo lên chùa*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr169.]

“- Cho nên, lúc này, Hạ nói với Xim:

- Cô tha lỗi cho tôi nhé!

- Lỗi gì mà lỗi. Tội gì mà tội. Tội lội xuống sông. Chẳng qua là em thấy em không phải với anh, em muốn đền bù. Mà thôi xí xóa hết truyện cũ. Nhưng dù sao anh cũng phải có một người đàn bà để nó bầu bạn với anh, phòng khi **trái nắng trở gười**. Không thể em chả an tâm đâu.”

[Nguyễn Xuân Khánh (2010), *Đội gạo lên chùa*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr808.]

“- Ấy... không, không có gì! Anh kín đáo đứng trước mặt con và cô khách - Bệnh trẻ con **trái nắng trở gười** ấy mà. Cô cứ ngồi chơi, uống nước đi.”

[Chu Lai (2006), *Phố*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr80.]

Từ chỉ “nắng” trong thành ngữ còn biểu hiện ý nghĩa: Không thể tránh được.

Ví dụ:

“Cả anh Lập nữa, liều than trốn đi, trốn chui trốn nhủi khổ hơn con chó, để làm vương làm tướng gì cho cam, rút cuộc lại “đi bán cháo phôi”, lại sấp mặt cuộc đất như hồi ở quê. **Chạy trời không khỏi nắng** các anh em ơi.”

[Nguyễn Khắc Phê (2011), *Biết đâu địa ngục thiên đường*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr548.]

Trên đây là tổng hợp một số ý nghĩa của biểu trưng của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong thành ngữ tiếng Việt. Nhìn chung, giống như những ý nghĩa biểu trưng của những từ ngữ chỉ

thiên nhiên khác, thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” có ý nghĩa biểu trưng phổ biến thể hiện nhiều tầng lớp, ý nghĩa khác nhau.

### 3.1.2. Nghĩa tình thái

Nghĩa tình thái của thành ngữ được bộc lộ ngay cả khi thành ngữ tồn tại ở trạng thái tĩnh. Mỗi thành ngữ đã bao hàm trong nó thái độ của người nói đối với người nghe, với sự việc được đề cập đến, thậm chí nó còn ẩn chứa dự cảm của người nghe. Đặt trong ngữ cảnh sử dụng, nghĩa biểu thái của thành ngữ thể hiện rõ hơn nhiều.

Đặt trong ngữ cảnh sử dụng, nghĩa tình thái của thành ngữ có sự thay đổi, thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” không đơn thuần chỉ biểu hiện về thiên nhiên mà thể hiện cách ứng xử nói năng của con người.

Ví dụ:

Mẹ tôi thường chì chiết và *nói bóng gió* về sự vô tích sự của chú Hoạt, rõ ràng chú là một cửa nợ, một đồ thừa bám vào con thuyền nát là gia đình chúng tôi đây. Đương nhiên chẳng bao giờ mẹ tôi chì chiết chú Hoạt trước mặt bố tôi. Thường nghe được những câu mẹ tôi *nói bóng gió* xa xôi, mặt chú Hoạt bỗng dựng tái nhợt, chú quay phắt bỏ đi lên đồi.

[NL14;476]

Trong ngữ cảnh trên, có thể nhận thấy, thành ngữ *nói bóng nói gió* (được rút gọn thành *nói bóng gió*) tạo ra các nghĩa tình thái khác nhau như sau:

- Người mẹ của nhân vật tôi có thái độ *không hài lòng* về sự có mặt của người em chồng, gọi chú Hoạt – em chồng là *cửa nợ, một đồ thừa bám vào con thuyền nát* nên *nói bóng gió* chì chiết trước mặt chú Hoạt.

- Người em chồng (chú Hoạ) nghe chị dâu **nói bóng gió** như thế, cảm thấy chạnh lòng, đau đớn, *mặt tái nhợt, quay phắt bỏ đi*.

- Nhân vật tôi trong trường hợp này là người nghe và chứng kiến nhưng không bày tỏ thái độ, cảm xúc trước sự việc **nói bóng gió**.

Có thể nói, nghĩa tình thái là đặc điểm ưu thế nổi trội của thành ngữ so với từ. Cùng với các đặc trưng ngữ nghĩa khác, thành ngữ bộc lộ rõ ý nghĩa, giá trị của mình trong diễn đạt.

### **3.2. Bình diện ngữ dụng**

#### **3.2.1. Sự biến đổi cấu trúc của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong sử dụng**

Trong ngữ dụng học, mối quan hệ giữa người sử dụng ngôn ngữ và thực tế được nói tới rất được chú ý. Khi sử dụng thành ngữ để phản ánh thực tế, nhiều trường hợp, người sử dụng thành ngữ đã cố tình làm thay đổi cấu trúc của thành ngữ (thêm, bớt thành tố của thành ngữ) để tạo thành biến thể của thành ngữ. Các biến thể này, khi được sử dụng trong giao tiếp, một mặt, vẫn đảm bảo được nghĩa gốc của thành ngữ, mặt khác, tạo được cách nói riêng, mang dụng ý riêng của người nói.

Với các thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió”, ta có thể gặp các thành ngữ với cấu trúc bình thường như:

*Nắng như đổ lửa* (Nắng dữ dội như trút lửa xuống).

“- *Nắng như đổ lửa* xuống sân gạch, thế mà đám trẻ con trẻ nhếch trẻ nhãi đầu trần đứng xem cái xe comăngca của ủy ban huyện.”

[Hoàng Dự (2009), *Đời đường*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr77.]

Thành ngữ: *Nắng như lửa*:(Nắng dữ dội như trút lửa xuống).

“- Thời tiết đã chuyển sang thu từ lâu nhưng thỉnh thoảng vẫn còn rớt lại những ngày *nắng như lửa*, còn nóng hơn cả tiết hạ.”

[Nguyễn Minh Châu (1977), *Nguyễn Minh Châu toàn tập*, tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội, tr864.]

Thành ngữ: *Nắng như thiêu* (Nắng dữ dội đến mức có cảm giác như bị lửa đốt, lửa thiêu).

“- Gã ngồi giữa trời *nắng như thiêu* ngáp ngấn ngáp dài một lúc rồi đứng dậy, xỏ chiếc chân giả vào, mặc thêm chiếc quần bằng dạ đen ống loe cắt rất khéo.”

[Nguyễn Minh Châu (1977), *Nguyễn Minh Châu toàn tập*, tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội, tr300.]

Thành ngữ: *Mưa như trút* (Mưa rất to, mưa xối xả, như đổ nước xuống).

“- Ba ngày trôi qua với gió thổi mạnh, *mưa như trút*, sấm nổ vang, sét lóa mắt. Trong rừng, cây tróc gốc. Ngoài biển, sóng dâng lên tận trời.”

[Nguyễn Đình Tú (2010), *Kín*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr182.]

Tuy nhiên các thành tố đó lại biến đổi:

*Thành ngữ ảnh hưởng đến cuộc sống của con người:*

Cụ thể là ***tính nết*** của con người: *Sáng nắng chiều mưa*

“Fernando trêu:

- Tụi nó đâu có biết em cũng “ghê gớm” lắm mới xin được học bổng qua đây phải không? Không những em có dáng vẻ trẻ con, thái độ và tính tình của em cũng *sáng nắng chiều mưa* y như một cô bé đang tuổi dậy thì!”

[Dương Thụy (2011), *Oxford yêu thương*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr106.]

Biến đổi chỉ ***một việc xấu*** không ngăn cản ngay sẽ gây tác hại không thể gỡ được (dính người đàn ông khác): *Quá mù ra mưa*

“- *Quá mù ra mưa* rồi, mắt Lý đã giàn giạt tia lửa man dại, chị nhảy vào giữa đồng chăn màn đập liên hồi.”

[Ma Văn Kháng (2011), *Mùa lá rụng trong vườn*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr230.]

“- Nghe nó nói năng càng lúc càng thô bỉ mới nhận ra đã *quá mù ra mưa* rồi, nó đã không còn là người đàn bà biết điều hay lẽ phải nữa rồi, nó dám ngang nhiên giày xéo lên luân thường đạo lí.”

[Ma Văn Kháng (2011), *Một nhan sắc đàn bà*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr266.]

“- Bó chỉ nhằm đối tượng thôi. May mà mới chỉ đến đây, không *quá mù ra mưa*. Nó mà thuận tình với bó thì... bó có biết hậu quả sẽ ra sao không? Thật khủng khiếp...”

[Nguyễn Bắc Sơn (2006), *Luật đời và cha con*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr276.]

Biến đổi chỉ **ăn uống quá ít** so với nhu cầu, chẳng thấm tháp vào đâu:  
*Voi uống thuốc gió*

“- Một nồi canh nhộn nhạo vừa củ vừa lá, rắc thêm tí muối trắng. Lão húp sật soạt, nuốt chửng, như *voi uống thuốc gió!* Ăn giờ miệng.”

[Nguyễn Khắc Trường (2002), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr20.]

Biến đổi chỉ **sự khó khăn** trong cuộc sống của con người: Vất vả, khó nhọc, chịu đựng nhiều khó khăn trong công việc *dầm sương dãi nắng*.

“- Nhưng mà thầy được ngồi trong mát, khỏi *dầm sương dãi nắng*. Hễ cúng đình thì thầy ngồi gần mấy ông hương chức hội tề.”

[Sơn Nam (2009), *Hương rừng Cà Mau*, tập 1, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, tr292.]

Biến đổi chỉ **điều bô**: Tiếng chửi *Chửi bóng chửi gió* (Chửi xa chửi gần, có tính ám chỉ, không chửi trực tiếp, không chửi rõ tên).

“- Cả làng rè bủ, *chửi bóng chửi gió*, thấy mặt chị ấy đâu là gọi con chó hoang”

[Y Ban (2007), *I am đàn bà*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr27.]

*Cách cười như phải gió* (Cười một cách tự nhiên, liên tục, dường như không thể kìm lại được).

VD: “- Tôi chỉ kêu được có thế, rồi đổ đùng ra giường mà cười. *Cười như phải gió*”

[Y Ban (2005), *Cưới chợ và những truyện ngắn mới*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr61.]

Biến đổi chỉ **sự đoàn kết** thì sẽ có sức mạnh: *Góp gió thành*

“Tôi nghĩ chị em, bà con mình phải mỗi người một tay, ***góp gió thành bão***, may chi...”

[Nguyễn Khắc Phê (2011), *Biết đâu địa ngục thiên đường*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr229.]

“Trong cuộc chiến đấu, mỗi người một tí, thêm à ***góp gió thành bão***, ta đã tìm ra những cách đánh của ta, lấy ít mà chọi được với nhiều, lấy yếu mà đánh lại được với mạnh, lấy sự gan dạ và mưu trí khôn ngoan, cẩn thận, khéo léo làm chỗ mạnh nhất của mình để thắng kẻ xâm lược to lớn hơn ta gấp nhiều lần.”

[Nguyễn Đình Thi (2013), *Truyện*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr471.]

Biến đổi chỉ sự **lợi dụng cơ hội**, lợi dụng dịp có nguyên cơ bao che để làm việc xấu, sai trái *Mượn gió bẻ măng* (từ thành ngữ *Thừa gió bẻ măng*):

“- Con trai bà Lộc, một lão thanh niên cao to như cái minh tinh, cũng sấp tuổi với Ngạc, từng học hoặc với Ngạc, liền *mượn gió bẻ măng*, giảng

lấy súng của chồng bà Tài lên đạn loách choách, rồi chọc cái nòng lạnh ngắt vào tai Ngạc, rống lên đắc thắng: - Đ. mẹ! Tao phải bắn vỡ sọ thằng này!”

[Nguyễn Khắc Trường (2002), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr117.]

“- Sáng nay em đi một vòng từ xã lên huyện càng thấy rõ nhiều người đang muốn lật ta! Họ đang muốn *mượn gió bẻ măng*, nên ta phải thu xếp gấp rút vụ này.”

[Nguyễn Khắc Trường (2002), *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr191.]

Biến đổi chỉ sự: ***hết sức mong đợi***, ngày này qua ngày khác (*Như trời hạn mong mưa*):

VD: “- Chị không thể tưởng tượng anh ấy mừng như thế nào đâu. Gia đình bên anh ấy mong anh ấy có con *như trời hạn mong mưa*. Bố mẹ tôi biết tin đến tận nơi xem hư thực thế nào.”

[Tạ Duy Anh (2005), *Thiên thần sám hối và những truyện ngắn chọn lọc*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr69.]

### ***3.2.2. Nét văn hóa nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi của người Việt qua thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió”***

Đây là nét văn hóa tự nhiên mà mỗi người Việt đều có thể nhận ra. Lí giải điều này hoàn toàn không khó hiểu. Bởi nước ta có xuất phát điểm là một nước nông nghiệp, mỗi con người trở thành từ làng quê, lớn lên từ gốc rơm, gốc rạ, cho nên cách thể hiện cũng mang hơi hướng làng quê.

*Mưa thuận gió hòa*: Mưa gió điều hòa, thời tiết thuận lợi cho việc canh tác, trồng trọt.

“- Năm qua *mưa thuận gió hòa*, thiên hạ thái bình, lại dịp nhà Tống phong sắc vua Nhân Tông ta làm nam Bình Vương, đêm Nguyên tiêu năm

nay triều đình mở hội đèn Quảng chiếu ở sân Long Trì.”

[Võ Thị Hảo (2007), *Giàn thiêu*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr56.]

“- Dùng xong bữa cơm trưa đạm bạc dọn ngay trên bờ ruộng cùng với các lão nông, vua Nhân Tông cởi áo bào, khoác lên người bộ áo tơi nón lá. Giữa khoanh ruộng phẳng, một chiếc cày lưỡi sáng choang, tay cày buộc khăn lụa đỏ và con trâu cộ đôi sừng cong vút đang chờ Hoàng thượng. Theo lệ đặt ra từ đời Tiên hoàng Thái Tông, đức Vua đi cày cầu cho **mưa thuận gió hòa**, mùa màng tươi tốt, và nêu gương cho nông phu trăm họ.”

[Võ Thị Hảo (2007), *Giàn thiêu*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr258.]

“- Ruộng thu hẹp lại. Trên mảnh ruộng hẹp mỗi năm canh tác hai vụ lúa, gói vụ hoa màu thì cũng chỉ đủ ăn chín tháng. Làm cật lực, **mưa thuận gió hòa** mới được chừng ấy.”

[Hồ Anh Thái (2007), *Mười lẻ một đêm*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr108.]

“- Nhờ trời **mưa thuận gió hòa**, tằm không bị dịch bệnh, mỗi năm thu trăm triệu chẳng khó gì.”

[Hoàng Minh Tường (2007), *Thôn quê liệt truyện*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr36.]

“- Ngày ngày dân trong vùng đến thắp hương, dâng hoa hỏa xin giải tội và cầu **mưa thuận gió hòa**.”

[Võ Thị Xuân Hà (2010), *Chiếc hộp gia bảo*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr21.]

Có thể nói, mỗi câu thành ngữ cùng với tục ngữ, ca dao đã đúc kết kinh nghiệm sống, khái quát các hiện tượng điển hình làm bài học có ích với mỗi con người mà còn có giá trị kết tinh vẻ đẹp tâm hồn con người, lưu giữ dấu ấn văn hóa của mỗi vùng miền dân tộc. Qua tìm hiểu những thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió”, chúng tôi tạm khái quát một số nét văn hóa tiêu biểu thể hiện qua thành ngữ.



<b>Thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió”</b>		<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ %</b>
<b>Nắng</b>	<i>Dãi nắng dầm mưa, dãi dầu nắng mưa, dầm sương dãi nắng, một nắng hai sương, nắng như đổ lửa, nắng như lửa, nắng như thiêu, nắng quáng đèn lò, nắng sớm mưa chiều, sáng nắng chiều mưa, trái nắng trở gò, nắng tấp mưa sa ...</i>	23	14,9
<b>Mưa</b>	<i>Mưa thuận gió hòa, dầm mưa dãi nắng, dầm mưa dãi gió, ác tằm thì ráo sáo tằm thì mưa, chớp đông nháy gà gáy thì mưa, mưa dầm gió bắc, mưa không quá Ngọ gió không quá Mùi, mưa tháng ba hoa đất, rày gió mai mưa, mưa tháng bảy gãy cành trám, mưa tháng sáu máu rồng, mưa tháng tư hư đất, tháng ba mưa đám tháng tám mưa cơn, tháng tám mưa trai tháng hai mưa thóc...</i>	64	41,2
<b>Gió</b>	<i>Ăn gió nằm sương, cây gió chịu bão, chạy buồm xem gió, chải gió gọi mưa, thuận buồm xuôi gió, trông gió bỏ buồm, gió kếp mưa đơn, dầm sóng dãi gió, dãi gió dầm sương, gió thăm mưa sâu, gió trúc mưa mai, gió tựa hoa kê, gieo gió gặt bão, thương gió nhớ mưa, yên sóng, lặng gió, gió bãi trắng ngàn, gió bắc mưa phùn, gió bể mưa ngàn, gió đập mưa dòn..</i>	68	43,9
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>155</b>	<b>100</b>

*Thành ngữ được hình thành từ đời sống văn hóa - xã hội của người Việt: Thành ngữ được hình thành từ đời sống lao động*

Là một đất nước nông nghiệp, hoạt động chủ yếu của người Việt là cày cấy, trồng trọt, chăn nuôi. Khi xưa, người nông dân làm việc dựa vào sức mình là chính, không có các loại máy móc, phương tiện hiện đại hỗ trợ như ngày nay, vì vậy họ phải làm việc vất vả, cực nhọc. Đời sống vất vả đã ăn sâu vào tiềm thức của người nông dân. Nhiều sự kiện thuộc đời sống lao động sản xuất hay những công việc mưu sinh đã trở thành chất liệu cấu tạo nên nhiều thành ngữ tiếng Việt. Đó là hình ảnh những người nông dân *dầm sương dãi nắng, dãi gió dầm sương*. Tâm lí, mong muốn công việc xuôi thuận, may mắn được phản ánh trong thành ngữ *mưa thuận gió hòa, thuận buồm xuôi gió, trông gió bỏ buồm...*

*Thành ngữ có cơ sở hình thành từ các hiện tượng tự nhiên*

Việt Nam vốn là một đất nước nông nghiệp, nên sản xuất thiên về trồng trọt, canh tác. Cho nên, yếu tố thiên nhiên có tác động to lớn đối với hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người Việt Nam. Có thể nói, mùa màng thất bát hay bội thu chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên. Điều này cũng có nghĩa là, thời xưa khi khoa học chưa phát triển, việc quan sát thời tiết để tiến hành các hoạt động cày, cấy, trồng trọt chủ yếu dựa vào kinh nghiệm quan sát của người nông dân. Từ hoạt động quan sát đó, người Việt đã phản ứng vào phản ánh nhanh chậm của con người để tạo nên hàng loạt các thành ngữ như: *Nhanh như gió, ...* Kết quả thống kê cho thấy, kho tàng thành ngữ tiếng Việt có hơn 100 đơn vị thành ngữ có chứa các hình ảnh về thế giới tự nhiên.

Xét về đặc điểm địa lí, Việt Nam là vùng sông nước, có hệ thống kênh, ngòi chằng chịt. Vì vậy cuộc sống của người Việt gắn bó với sông nước.

Hình ảnh sông nước ăn sâu vào tâm khảm con người Việt Nam để tạo thành những cách nói: *sóng cả gió to, ăn sóng nói gió, ăn gió nằm mưa, mưa bom bão đạn,...* Thậm chí, ở những lĩnh vực không liên quan đến “nắng, mưa, gió” người Việt cũng dùng hình ảnh “nắng, mưa, gió” để diễn tả: *Dày che mưa, thưa che gió; cắt phải trời mưa, gió mây gặp hội, chạy buồm xem gió, không có mây sao có mưa, ...*

Cơ sở hình thành thành ngữ tiếng Việt rất phong phú, đa dạng, đó là các chất liệu được lấy từ đời sống lao động, đời sống sinh hoạt, văn hóa,... của người dân; từ thế giới động thực vật, các hiện tượng tự nhiên,... mà con người quan sát được. Từ những chất liệu bình thường, quen thuộc, bằng sự liên tưởng chuyển nghĩa (theo hai phương thức cơ bản là ẩn dụ và hoán dụ), người Việt đã tạo nên kho tàng thành ngữ vô cùng phong phú, chứa đựng trong đó vốn tri thức sống và những giá trị văn hóa trường tồn.

### 3.3. Tiểu kết

Đi tìm diện mạo ngữ nghĩa, ngữ dụng của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” ẩn chứa những “trầm tích” văn hóa của dân tộc, chúng tôi mới chỉ dừng lại ở một mức độ nhất định: tìm cái hay, cái độc đáo trong ngữ nghĩa của thành ngữ đặt trong mối tương quan so sánh với từ và cụm từ tương đương, để thấy rõ được các đặc trưng ngữ nghĩa mà thành ngữ thể hiện: tính biểu trưng, tính cụ thể, tính hình tượng, tính dân tộc. Nghĩa tình thái của thành ngữ được tìm hiểu ở trạng thái tĩnh. Về ngữ dụng, luận văn cũng đề cập đến việc người nói tạo nên những biến thể của thành ngữ trong sử dụng để tạo nên cách nói riêng, với dụng ý riêng.

Ra đời từ cuộc sống bình dị của nhân dân, thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” ghi chép lại những nét văn hóa nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi của người Việt.

## KẾT LUẬN

Kho tàng thành ngữ với khối lượng lớn, phong phú, đa dạng đã mở ra biết bao vấn đề lí thú cho những ai có niềm say mê nghiên cứu và tìm hiểu. Lựa chọn một nội dung gần gũi và thiết thực - thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt, chúng tôi vận dụng lí thuyết ba bình diện của ngôn ngữ học để soi chiếu và đi đến một số kết luận sau:

### *Trên bình diện ngữ pháp*

*Về cấu tạo:* Nhìn chung các của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” có cấu tạo rất phong phú, đa dạng. Có thể quy thành ngữ thuộc đối tượng đang xem xét về một số mô hình cấu tạo nhất định (thành ngữ đối, thành ngữ so sánh, thành ngữ thường). Trong các loại này, có thể thấy loại thành ngữ có cấu tạo là cụm danh từ chiếm số lượng lớn. Điều này được lí giải nguyên nhân từ đối tượng lựa chọn nghiên cứu một điểm đáng lưu ý là cấu tạo của các thành ngữ với kết cấu cụm từ lại chủ yếu có hai thành phần: phần trung tâm và một phần phụ (chủ yếu là phần phụ sau), trong mô hình đầy đủ của một cụm từ gồm ba phần. Dù cấu tạo là cụm danh từ, nhưng có thể thấy mối quan hệ ngữ pháp trong thành ngữ là quan hệ nhiều tầng bậc (ít nhất là hai quan hệ trở lên).

*Về chức năng ngữ pháp:* Khi đi vào hành chức, các thành ngữ này tham gia đảm nhiệm gần như tất cả các chức năng ngữ pháp trong câu: tham gia làm thành phần chính: chủ ngữ, vị ngữ; tham gia các thành phần phụ: định ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ...

*Về vị trí - khả năng kết hợp:* Thành ngữ chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” chịu sự chi phối của chức năng ngữ pháp mà nó đảm nhiệm. Về cơ bản, vị trí - khả năng kết hợp này cũng đi theo một quy luật

ngữ pháp thông thường.

Những đặc điểm ngữ pháp này có ảnh hưởng không nhỏ đến phương diện ngữ nghĩa và ngữ dụng mà các thành ngữ này biểu đạt.

### ***Trên bình diện ngữ nghĩa, ngữ dụng***

Có thể xem xét ngữ nghĩa của thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” từ nhiều góc độ khác nhau. Chúng tôi chọn hướng so sánh thành ngữ với từ và cụm từ có nghĩa tương đương để thấy được đồng thời giá trị nghĩa biểu trưng và nghĩa tình thái của thành ngữ. Với đặc điểm là đơn vị định danh bậc hai, nghĩa của thành ngữ không phải là nghĩa của các thành tố cộng lại, thành ngữ đã tạo ra những thành phần ngữ nghĩa mang đặc trưng riêng: *giàu tính biểu trưng, tính cụ thể, tính hình tượng*. Những đặc trưng ngữ nghĩa này được tạo ra nhờ một số cơ chế tạo nghĩa. Trong thực tế, thành ngữ luôn kết hợp trong nó nhiều phương thức để tạo ra một cấu trúc hoàn chỉnh và ngữ nghĩa trọn vẹn. Về ngữ dụng, luận văn cũng đề cập đến việc người nói tạo nên những biến thể của thành ngữ trong sử dụng để tạo nên cách nói riêng, với dụng ý riêng.

Tìm hiểu thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” chúng tôi nhận ra những lớp “trầm tích” ***văn hóa*** độc đáo. Độc đáo trong văn hóa trong giao tiếp, trong văn hóa nông nghiệp trồng trọt, chăn nuôi của người Việt. Độc đáo bởi trong thành ngữ còn lưu lại những dấu tích lịch sử, dấu tích của văn học dân gian. Tất cả tạo nên một diện mạo thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt mang đậm hơi thở cuộc sống bình dị, kết tinh tâm hồn, trí tuệ của nhân dân và đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong khuôn khổ một luận văn thạc sĩ, có những vấn đề chúng tôi còn để ngỏ hoặc chưa có điều kiện tìm hiểu ở một phạm vi rộng hơn như mong

muốn. Chẳng hạn như, người viết ý thức được nếu so sánh rộng hơn thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt với thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong một ngôn ngữ khác thì sẽ có nhiều khám phá thú vị về văn hóa dân tộc qua thành ngữ. Người viết cũng ý thức được rằng còn có thể khai thác sâu hơn đối tượng này ở phạm vi ngữ nghĩa (như vấn đề về cấu trúc vị từ - tham thể, ...). Người viết hi vọng có thể thực hiện những trăn trở này ở những phạm vi nghiên cứu khác trong tương lai.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2008) *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiêu, Hoàng Trọng Phiến (1991), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Dân (1989), *Ngữ nghĩa thành ngữ, tục ngữ và sự vận dụng*, Ngôn ngữ số 3.
5. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đang, Phương Tri (1993), *Tục ngữ Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội.
6. Cao Thị Quỳnh Doan (2011), *Tìm hiểu thành ngữ chỉ quan hệ nói năng trong tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Nguyễn Công Đức (1995), *Bình diện cấu trúc hình thái - ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Ngữ văn.
8. Nguyễn Thiện Giáp (1975), *Về khái niệm thành ngữ tiếng Việt*, Ngôn ngữ số 3.
9. Nguyễn Thiện Giáp (1985), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội.
10. Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Hoàng Văn Hành (1973), *Suy nghĩ về cách dùng thành ngữ qua thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3.
12. Hoàng Văn Hành (1987), *Thành ngữ trong tiếng Việt*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 1.

13. Hoàng Văn Hành (2002), *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Hoàng Văn Hành (2008), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
15. Nguyễn Thị Hiền (2010), *Ý nghĩa biểu trưng của các con số trong kho tàng thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ.
16. Nguyễn Xuân Hòa (1994), *Thành ngữ tiếng Việt từ bản sắc văn hóa dân tộc*, Tạp chí nghiên cứu Đông Á, số 1.
17. Phạm Văn Hoàn (1992), *Bàn thêm về thành ngữ, tục ngữ với tư cách là đối tượng nghiên cứu khoa học*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2.
18. Quế Thị Mai Hương (2008), *Nghĩa biểu trưng của hình ảnh con vật trong thành ngữ tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ.
19. Nguyễn Lâm (2010), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Thời đại.
20. Đỗ Kim Liên (2006), *Tục ngữ Việt Nam dưới góc nhìn ngữ nghĩa - ngữ dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội .
21. Đỗ Kim Liên (2015), *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức (trên tư liệu truyện ngắn và tiểu thuyết)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Lương (2009), *Câu tiếng Việt*, Nxb. Đại học Sư phạm
23. Nguyễn Lực, Lương Văn Đang (2009), *Thành ngữ tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
24. Nguyễn Văn Mệnh (1971), *Bước đầu tìm hiểu sắc thái tu từ của thành ngữ tiếng Việt*. Tạp chí ngôn ngữ số 2.
25. Triều Nguyên (2006), *Phân biệt thành ngữ và tục ngữ bằng mô hình cấu trúc*, Tạp chí ngôn ngữ, số 5.



26. Mai Thị Nhung (2007), *Nghệ thuật sử dụng thành ngữ trong sáng tác của Tô Hoài*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 12.
27. Hoàng Phê (Chủ biên), (2009), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
28. Trương Đông San (1985), *Thành ngữ so sánh trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4.
29. Nguyễn Thị Trung Thành (2009), *Cái khó trong việc phân biệt thành ngữ và tục ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 9.
30. Phan Xuân Thành (1990), *Tính biểu trưng của thành ngữ tiếng Việt*, Tạp chí văn hóa dân gian, số 2.
31. Phan Xuân Thành (1993), *Cơ sở hình thành và biến đổi của thành ngữ tiếng Việt*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 1.
32. Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương (2007), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
33. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng tư duy người Việt qua ẩn dụ tri nhận trong thành ngữ*, (kì I), Tạp chí Ngôn ngữ, số 12.
34. Lê Thu Trà (2008), *Đặc điểm và cấu trúc hình thức - ngữ nghĩa và tính chất tu từ biểu cảm của thành ngữ so sánh tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
35. Nguyễn Văn Tu (1968), *Từ vựng học tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
36. Cù Đình Tú (1973), *Góp ý kiến phân biệt thành ngữ với tục ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 1.
37. Viện Ngôn ngữ học - Trung tâm từ điển học (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hà Nội - Đà Nẵng.
38. Bùi Khắc Việt (1978), *Về tính biểu trưng của thành ngữ tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 1.

39. Như Ý (1992), *Bình diện văn hóa – ngôn ngữ của nghiên cứu thành ngữ trong tiếng Việt*, Tạp chí văn hóa dân gian, số 3.
40. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành (1992), *Từ điển thành ngữ Việt Nam*”, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
41. <http://www.daovien.net>

## PHỤ LỤC

### *Thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng, mưa, gió” trong tiếng Việt*

#### ***1. Thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “nắng”***

1. Chạy trời cho khỏi nắng
2. Dang nắng dầm mưa
3. Chạy trời không khỏi nắng
3. Dãi nắng dầm mưa
4. Dầm sương trải nắng
5. Hai sương một nắng
6. Dầm sương dãi nắng
7. Một nắng hai sương
8. Nắng như đổ lửa
9. Nắng như lửa
10. Nắng như thiêu
11. Nắng quáng đèn lò
12. Nắng sớm mưa chiều
13. Sáng nắng chiều mưa
14. Trái nắng trở giò
15. Nắng không ưa, mưa không chịu
16. Nắng tấp mưa sa
17. Nắng dầm mưa dãi
18. Nắng đan đò, mưa gió đan gàu
19. Nắng lâu gặp trận mưa rào
20. Nắng mưa đắp đổi
21. Nắng quái chiều hôm

22. *Nắng xiên khoai*

23. *Năm nắng mười mưa*

**II. Thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “mưa”**

1. *Bom đạn như mưa*

2. *Dầm mưa dãi gió*

3. *Dầm mưa dãi nắng*

4. *Dầm mưa dang nắng*

5. *Dầm mưa dàng nắng*

6. *Làm mưa làm gió*

7. *Mây mưa chăn gối*

8. *Mưa bom bão đạn*

9. *Mưa không(chẳng) đến mắt, nắng không (chẳng) đến đầu*

10. *Mưa dầm gió bắc*

11. *Mưa dầm thấm lâu*

12. *Mưa dầm thấm sâu*

13. *Mưa dập gió vùi*

14. *Mưa như cầm chinh mà đổ*

15. *Mưa như rắc bột:*

16. *Mưa như trút*

17. *Mưa như trút nước*

18. *Mưa phùn gió bắc*

19. *Mưa phùn thấm lâu*

20. *Mưa sa gió dập*

21. *Mưa sa gió táp*

22. *Mưa thuận gió hòa*

23. *Mưa to gió lớn*

24. *Mưa xuống như trút nước*
25. *Như hạt mưa sa*
26. *Như mưa như gió*
27. *Như trời hạn mong mưa*
28. *Nước mắt như mưa*
29. *Quá mù hóa mưa*
30. *Quá mù ra mưa*
31. *Quá mù sang mưa*
32. *Tát nước theo mưa*
33. *Mưa bão chết cò*
34. *Mưa bom bão đạn*
35. *Mưa bom gió đạn*
36. *Mưa dầm gió buốt*
37. *Mưa dầm gió lạnh*
38. *Mưa dầm nắng dội*
39. *Mưa dầm nắng gội*
40. *Mưa dập gió dồn*
41. *Mưa dầu nắng dãi:*
42. *Mưa dầu nắng lửa*
43. *Mưa gào gió thét*
44. *Mưa rào gió róng*
45. *Mưa gió dãi dầu*
46. *Mưa nắng dãi dầu*
47. *Mưa nguồn chớp biển (bể)*
48. *Mưa như đổ nước*
49. *Mưa sở mây tản*

50. *Mưa không khắp*
52. *Như hạt mưa rào*
53. *Nói tình mây mưa*
51. *Nhật che mưa, thưa che nắng*
54. *Ơn mưa móc*
55. *Tắm mưa, gội gió*
56. *Đã mưa thì mưa cho khắp*
57. *Đi mưa về nắng*
58. *Ép nài mây mưa*
59. *Chắn mưa thừa nắng*
60. *Đội mưa đội gió*
61. *Đi mưa về nắng*
62. *Không có mây sao có mưa*
63. *Dày che mưa*
64. *Cắt phải trời mưa*

### **III. Thành ngữ có thành tố chỉ các hiện tượng tự nhiên “gió”**

1. *Biển lặng gió êm*
2. *Biển yên gió lặng*
3. *Chửi bóng chửi gió*
4. *Cười như phải gió*
5. *Dày gió dạn sương*
6. *Dãi gió dầm mưa*
7. *Đầu sóng ngọn gió*
8. *Đi mây về gió*
9. *Gây gió phải chịu bão*
10. *Ghen bóng ghen gió*

11. *Gieo gió thì phải gặt bão*
12. *Gió cả sóng to*
13. *Gió chiều nào che chiều ấy*
14. *Gió cuốn mây đưa*
15. *Gió đâu che đấy*
16. *Gió lặng sóng êm*
17. *Gió lùa nhà trống*
18. *Gió nổi can qua*
19. *Gió sớm mưa chiều*
20. *Gió táp mưa sa*
21. *Góp gió thành bão*
22. *Làm sóng làm gió*
23. *Lên như điều gặp gió*
24. *Lời hứa gió bay*
25. *Lời nói gió bay*
26. *Lời nói gió tạt*
27. *Mượn gió bẻ măng*
28. *Nhờ gió bẻ măng*
29. *Nhớ mây thương gió*
30. *Nói bóng nói gió*
31. *Ruồng gió bẻ măng*
32. *Sóng to gió lớn*
33. *Tai bay vạ gió*
34. *Thuận buồm xuôi gió*
35. *Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống*
36. *Trái gió trở trời*

37. *Trở trời trái gió*
38. *Voi uống thuốc gió*
39. *Yên sóng, lặng gió*
40. *Gió bãi trắng ngàn*
41. *Gió bắc mưa phùn*
42. *Gió bể mưa ngàn*
43. *Gió dập mưa dồn*
44. *Gió dập sóng dồi*
45. *Gió dập sóng vùi*
46. *Gió đục mây vùn*
47. *Gió kếp mưa đơn*
48. *Gió mát trăng thanh*
49. *Gió táp mưa sa*
50. *Gió thảm mưa sâu*
51. *Gió thổi là chổi trời*
52. *Gió trúc mưa mai*
53. *Gió tựa hoa kê*
54. *Gieo gió gặt bão.*
55. *Thương gió nhớ mưa*
56. *Chải gió gọi mưa*
57. *Ăn gió nằm srong*
58. *Cây gió chịu bão*
59. *Chạy buồm xem gió*
60. *Sợ bóng sợ gió*
61. *Nói bóng nói gió*
62. *Như điều gặp gió*



*63. Gió nhưng cạnh lòng mây*

*64. Cả gió tắt đuốc*

*65. Đèo heo hút gió*

*66. Trông gió bỏ buồm*

*67. Gió mây gặp hội*

*68. Chạy buồm xem gió.*